

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020





MỤC LỤC

KIẾN TẠO NỀN TẢNG - VỮNG BỀN PHÁT TRIỂN	04
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	06
I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Thông tin chung	09
2. Quá trình hình thành và phát triển	10
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
4. Cơ cấu cổ đông, sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý	18
5. Các Công ty con	31
6. Định hướng phát triển	32
7. Sản phẩm và Giải pháp	36
8. Chứng nhận chất lượng	58
9. Các nhân tố rủi ro	60
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Phần I: Báo cáo tình hình thực hiện năm 2020	64
A. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2020	66
B. Kết quả thực hiện SXKD và tình hình đầu tư năm 2020	69
C. Tình hình đầu tư và đầu tư vào công ty con	72
D. Công tác nhân sự và tiền lương	72
Phần II: Kế hoạch kinh doanh năm 2021	73
A. Kế hoạch SXKD năm 2021	73
B. Kế hoạch Đầu tư năm 2021	74
C. Phương án kinh doanh và Kế hoạch nhân sự năm 2021	74
III. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	77
IV. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	82
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	84

KIẾN TẠO NỀN TẢNG VỮNG BỀN PHÁT TRIỂN

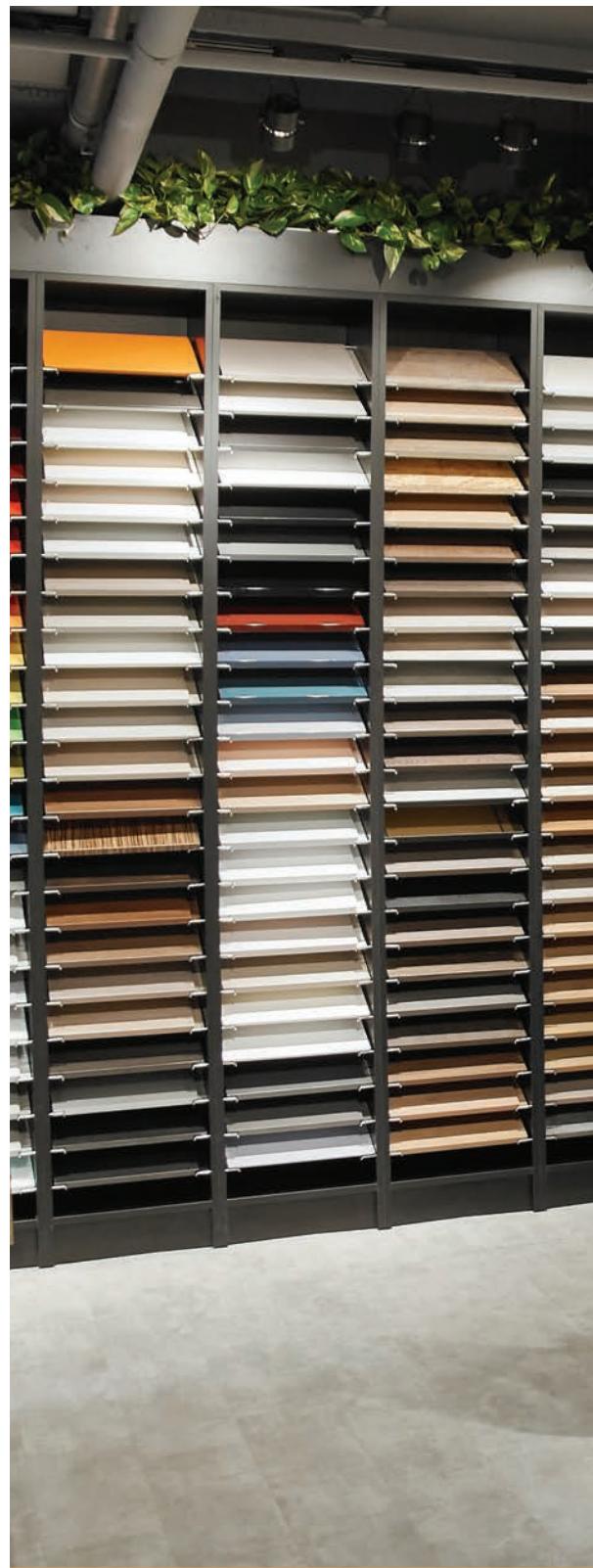
Trải qua hơn 26 năm hình thành và phát triển, An Cường khẳng định vị thế số 1 trong ngành vật liệu, giải pháp và nội thất làm từ gỗ công nghiệp tại thị trường Việt Nam và Đông Nam Á. Công ty hiện diện “đúng nơi, đúng thời điểm”, đã và đang thành công trong việc xây dựng mô hình kinh doanh bền vững dựa trên các nền tảng chủ yếu như sau:

(i) Hai cụm nhà máy được trang bị hiện đại và hệ thống kho bãi với tổng diện tích hơn 240.000m² cùng với hệ thống phân phối trải dài trên cả nước và ở một số nước trên thế giới, An Cường cung cấp đầy đủ các giải pháp và sản phẩm tích hợp đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng đồng thời có thể triển khai với số lượng lớn (mass customization). Công ty đã và đang triển khai thành công việc số hóa toàn bộ hoạt động của mình để bắt nhịp với cuộc cách mạng 4.0.

(ii) Đội ngũ quản lý và nhân sự giàu kinh nghiệm xây dựng thành công nền tảng văn hóa sáng tạo, luôn theo đuổi sự hoàn hảo trong từng sản phẩm và công việc.

(iii) Cơ cấu khách hàng đa dạng và có độ gắn kết cao. Hơn 75% khách hàng gắn kết với Công ty hơn 10 năm. Trong đó, có nhiều khách hàng là các tập đoàn lớn trong nước và trên thế giới.

(iv) Môi trường kinh tế thuận lợi, tốc độ tăng trưởng ngành ở mức cao, cơ cấu dân số vàng với tốc độ tăng trưởng thu nhập khả dụng cao nhất khu vực DNA đảm bảo dư địa tăng trưởng lâu dài của Công ty đối với thị trường nội địa.





► THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa quý Cổ đông,

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám Đốc (BTGĐ) Tập đoàn An Cường, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2020 được đánh giá là một năm đầy biến động và xáo trộn hiếm có nhất trong lịch sử do tác động của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu. Các nền kinh tế trên toàn thế giới đã và đang tiếp tục trải qua một thời kỳ khó khăn chưa từng có, phải đương đầu để chống chịu và giải quyết những hậu quả nặng nề do đại dịch gây ra. Cùng với tác động của dịch bệnh, lũ lụt ở miền Trung và sự đình trệ của các dự án bất động sản (đặc biệt là phân khúc bất động sản căn hộ) cũng làm cho kinh tế Việt Nam có những bước lùi nhất định. Tuy nhiên, với tầm nhìn, chiến lược, sự linh động và quyết liệt trong việc hoạch định, điều hành và triển khai các biện pháp ứng biến, HĐQT, BTGĐ và toàn thể cán bộ công nhân viên của Tập Đoàn đã đồng lòng, vững bước vượt qua khó khăn, biến thách thức thành cơ hội.

Năm 2020, An Cường đã có sự chuẩn bị kịp thời cho việc sản xuất kinh doanh trong điều kiện bình thường mới. Tập Đoàn đã chủ động trong việc lựa chọn tệp khách hàng chất lượng, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tái cơ cấu danh mục sản phẩm, tổ chức lại toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh việc chuyển đổi số trên phạm vi Tập Đoàn. Các biện pháp phòng chống dịch được triển khai quyết liệt, kịp thời và luôn được cập nhật theo diễn biến thực tế của tình hình dịch bệnh trong nước và trên thế giới. Toàn bộ chuỗi cung ứng từ khâu mua hàng, vận chuyển, lưu kho, sản xuất, hậu cần, phân phối đã vượt qua các trở ngại, đảm bảo sản xuất liên tục, đáp ứng sản phẩm chất lượng cao cho cả nhu cầu trong nước lẫn xuất khẩu. Quan trọng hơn cả, An Cường đã thành công trong việc bảo vệ đội ngũ nhân viên của mình an toàn trước bệnh dịch và có nhiều hành động cùng đồng hành với cả nước chống lại dịch bệnh, thực hiện kinh doanh có trách nhiệm với xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Về quản trị, những thách thức của năm 2020 được An Cường biến thành cơ hội cải tổ mạnh mẽ bộ máy nhân sự nhằm kiến tạo nền tảng cho sự phát triển dài hạn. Song song đó, với việc quyết liệt rà soát, chuẩn hóa các quy trình làm việc và định mức năng suất lao động, đã thể hiện rõ nguyên tắc quản trị theo hướng tập trung vào kết quả, tăng sự chủ động, linh hoạt trong công việc của cán bộ lãnh đạo và nhân viên các cấp.

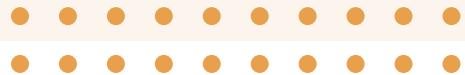
Kết thúc năm 2020, An Cường đã hoàn thành mục tiêu kép là (i) đảm bảo an toàn sức khỏe cho mỗi nhân viên và (ii) đạt được những kết quả đáng tự hào từ doanh số, lợi nhuận đến thị phần và niềm tin của người tiêu dùng. HĐQT và BTGĐ cùng toàn thể nhân viên An Cường vững tin sẽ đưa Tập Đoàn tiếp tục phát triển bền vững, mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng trong những năm tiếp theo.



ÔNG LÊ ĐỨC NGHĨA

Chủ Tịch HĐQT

Bước qua một năm đầy sóng gió, An Cường tiếp tục giữ vững mục tiêu phát triển bền vững và tiếp tục khẳng định vị thế là Công ty số 1 tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á về vật liệu giải pháp và nội thất làm từ gỗ công nghiệp. Cung cấp sự đa dạng về sản phẩm, đáp ứng nhu cầu và lợi ích cao nhất của khách hàng.



Bước sang năm 2021, với ảnh hưởng dây chuyền của nền kinh tế, xã hội, chính trị toàn cầu, những tác động và thách thức khó lường sẽ tiếp tục xuất hiện. Tuy nhiên, với những gì An Cường đã chuẩn bị từ chiến lược cho đến các chương trình kế hoạch cụ thể cùng với kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ lãnh đạo và ý chí, quyết tâm cao của toàn thể nhân viên An Cường, HĐQT tin tưởng rằng An Cường chắc chắn sẽ vững tin, vượt qua và chinh phục các thách thức để đạt được các mục tiêu đề ra.

Kính thưa quý vị,

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến BĐH và toàn thể các cấp quản lý, nhân viên vì tất cả những gì đã thể hiện kiên cường trong năm 2020. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý khách hàng, đối tác, cổ đông vì sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác và đồng hành trong suốt quá trình kinh doanh của Tập Đoàn An Cường. Xin chúc quý vị và các bạn sức khỏe thành công.

Xin chân thành cảm ơn.

Chủ tịch HĐQT


Lê Đức Nghĩa



I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN CHUNG

- **Tên công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
- **Tên tiếng Anh:** AN CUONG WOOD – WORKING JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** AN CUONG WOOD – WORKING JSC
- **Trụ sở chính:** Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, Khu phố Phước Hải, Phường Thái Hòa, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- **Số điện thoại:** (0274) 362 6282 – (0274) 362 6283
- **Số Fax:** (0274) 362 6284
- **Email:** infoacc@ancuong.com
- **Website:** www.ancuong.com



- **Biểu tượng (logo):**

Giải pháp gỗ nội thất cho mọi nhà

- **Vốn điều lệ:** 876.568.440.000 (Tám trăm bảy mươi sáu tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng.
- **Giấy CN ĐKDN:** Số 3700748131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 20/09/2006.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Với bề dày hoạt động trong ngành từ năm 1994 đến nay, cùng với sự đồng lòng của Ban lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên (CBCNV) đã giúp Công ty liên tục mở rộng và phát triển. Bên cạnh đó, năng lực tài chính của Công ty cũng liên tục được tăng cường thông qua việc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư và tăng vốn điều lệ. Với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng, đến ngày 31/12/2020 vốn điều lệ công ty đã tăng lên đến 876.568.440.000 đồng. Công ty bổ sung thêm nhiều chức năng sản xuất kinh doanh, không ngừng đổi mới và cải tiến kỹ thuật nhằm tạo ra những sản phẩm chất lượng và cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

NĂM 2008:

Công ty bắt đầu xây dựng nhà máy trên diện tích 35.000m² với trang bị dây chuyền máy móc hiện đại được nhập khẩu từ Châu Âu.

Bên cạnh đó, Công ty được chỉ định là công ty phân phối độc quyền các dòng sản phẩm Formica Laminate tại thị trường Việt Nam, phát triển dòng sản phẩm ván Melamine với nhiều sự lựa chọn về màu sắc và độ dày theo nhu cầu thị trường.

NĂM 2012:

Tiếp tục phát triển dòng sản phẩm Melamine và Laminate chất lượng cao và là công ty tiên phong trong khu vực Đông Nam Á trong việc đầu tư hơn 3 triệu USD trang bị dây chuyền dán tấm Acrylic bóng gương và dây chuyền dán chỉ không đường cạnh hiện đại của Đức. Các sản phẩm này được xuất khẩu sang Úc, Nhật, Singapore và Malaysia.

NĂM 2014:

Công ty TNHH Sản xuất Hàng Nội thất Phương Vân Anh đăng ký thay đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên thành Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường, tăng vốn điều lệ lên 240 tỷ đồng; bộ sưu tập của An Cường lên đến 800 mẫu: Ván MFC, Tấm Laminate, Tấm Acrylic, Tấm Veneer...

Công ty đạt nhiều chứng nhận chất lượng quốc tế: Chứng nhận CQ do Viện Nghiên Cứu Rừng Malaysia cấp (Forest Research Institute Malaysia - FRIM); Chứng nhận Green Label do Singapore cấp (Chứng nhận danh giá nhất tại khu vực về sản phẩm xanh - sạch - thân thiện và bảo vệ môi trường). Bên cạnh đó, Công ty ký kết hợp tác toàn diện với Hettich về các phụ kiện giúp mang đến cho khách hàng những giải pháp gỗ nội thất toàn diện và hiện đại.



NĂM 2015-2016:

Ký kết hợp tác toàn diện với Imundex về khóa cửa và các phụ kiện ngành cửa.

Cung cấp hàng loạt các giải pháp hoàn thiện sản phẩm: Dán, uốn mặt top Laminate, ván sàn, len tường đồng màu Laminate và MFC, cửa đi bằng gỗ công nghiệp cao tới 3m, khoan cắt định hình bằng máy CNC của Đức, cắt dán cạnh viền chỉ, cánh tủ bếp và tủ áo bằng công nghệ laser không đường cạnh.

Được các Chủ đầu tư chỉ định là Nhà cung cấp cửa và nội thất bếp cho hầu hết các công trình trên lãnh thổ Việt Nam và khu vực.

An Cường vận hành hệ thống 10 Showroom, trên toàn quốc và các văn phòng đại diện nước ngoài: Campuchia, Malaysia, Myanma, Nhật Bản, Canada, Mỹ, Úc...

Mở rộng nhà máy lên hơn 130.000m², liên tục cải tiến, đầu tư hàng loạt máy móc và trang thiết bị hiện đại lên đến vài chục triệu USD. Công ty đầu tư hơn 3 triệu USD vào dây chuyền sơn cánh cửa tủ áo, tủ bếp, sơn bóng. Đây là dây chuyền đồng bộ của hãng Cefla Italy bao gồm hệ thống sơn tự động bằng công nghệ Rô-bốt, máy lót, máy thổi, máy sấy, máy chà nhám, máy đánh bóng...

NĂM 2016 ĐẾN NAY

An Cường nhận được khoản đầu tư hơn 28 triệu USD từ liên doanh giữa VinaCapital - DEG và nhận khoản đầu tư hơn 58 triệu USD từ Tập đoàn Sumitomo Forestry.

An Cường mở rộng diện tích nhà máy lên hơn 240.000m², An Cường liên tục cải tiến, đầu tư hàng triệu đô la Mỹ vào công nghệ, máy móc và thiết bị hiện đại để đưa ra các giải pháp gỗ nội thất tốt nhất cho khách hàng. Tiếp tục khẳng định vị thế là công ty số 1 về bề mặt vật liệu, cung cấp giải pháp và sản xuất nội thất tại Việt Nam.

An Cường là nhà cung cấp vật liệu bề mặt cho hơn 100 dự án tại Việt Nam và xuất khẩu sang Nhật Bản, Mỹ, Úc...

Hiện nay, An Cường sản xuất hơn 1.000 cánh cửa gỗ công nghiệp mỗi ngày và là một trong những nhà cung cấp cửa gỗ công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam.

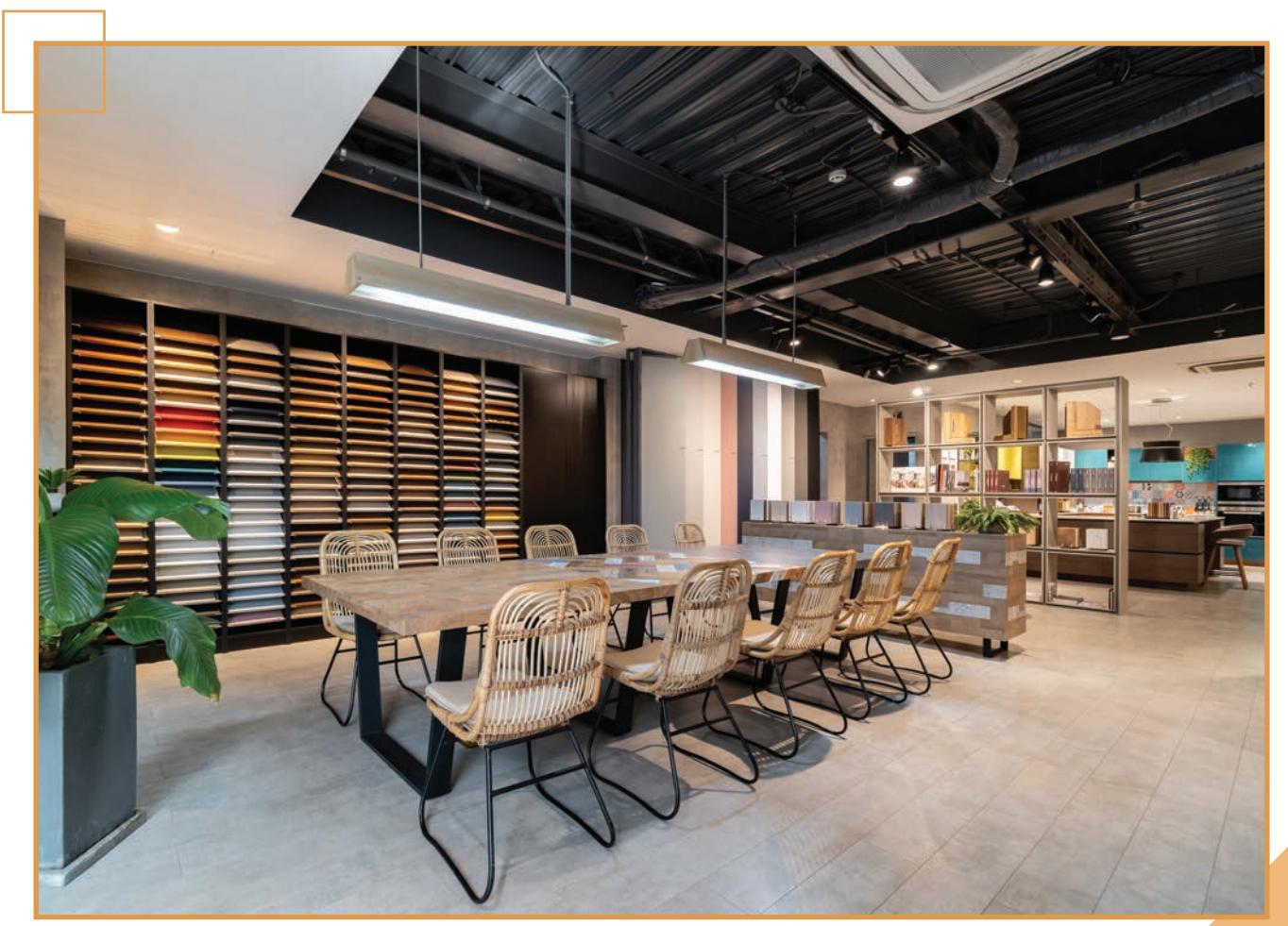


3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Để có được vị thế dẫn đầu hiện nay trên thị trường, Công ty đã kiên trì thực hiện chiến lược đúng đắn là tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gỗ, nội thất và các dịch vụ hỗ trợ đi kèm, bao gồm:

- (i) Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- (ii) Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp bếp gas, máy hút mùi, thiết bị nhà bếp);
- (iii) Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất);
- (iv) Gia công hàng trang trí nội thất;
- (v) Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Chi tiết: Sản xuất ván nhân tạo, bề mặt ván nhân tạo);
- (vi) Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- (vii) Hoàn thiện công trình xây dựng;
- (viii) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ...



3.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH

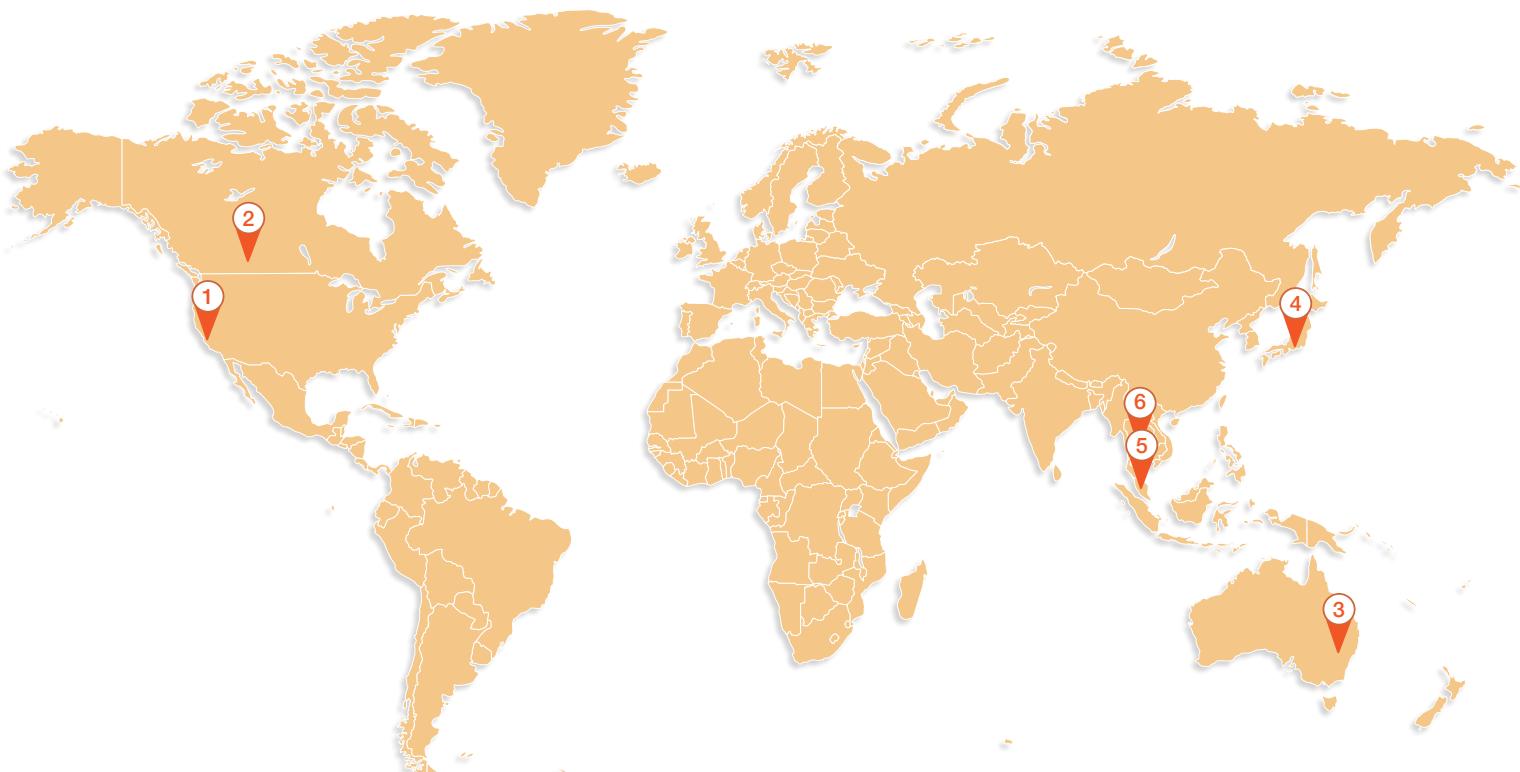
HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

a/ Đối với thị trường quốc tế.

Công ty chọn kênh phân phối là các hệ thống showroom hàng đầu của từng quốc gia như Campuchia, Malaysia, Nhật Bản, Canada, Mỹ, Úc...

Mạng lưới kinh doanh đại diện nước ngoài: Công ty đã xây dựng khá thành công mạng lưới đại diện tại một số nước phát triển và có kế hoạch mở rộng sang các thị trường tiềm năng khác, đặc biệt là ở các nước trong khu vực Đông Nam Á có trình độ phát triển, thị hiếu và hành vi tiêu dùng phù hợp với sản phẩm của Công ty. Mạng lưới đại diện hiện nay bao gồm:

- ▶ **Cambodia Office and Showroom:** S.I Building, #93, Preah Sihanouk Blvd. Phnom Penh.
- ▶ **Japan Office:** Haysaka BLDS.4F, 30-4, Ojima 1 – Chome, Koto-ku, Tokyo, 136-0072.
- ▶ **Australia Office:** 35 Keira Street, Port Kembla, NSW, 2505.
- ▶ **Canada Office-Zen Living:** Bay 1 – 4216 61 Avenue S.E.
- ▶ **America Office:** 752 Breen Ct Woodland CA 95778, USA.



3.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH

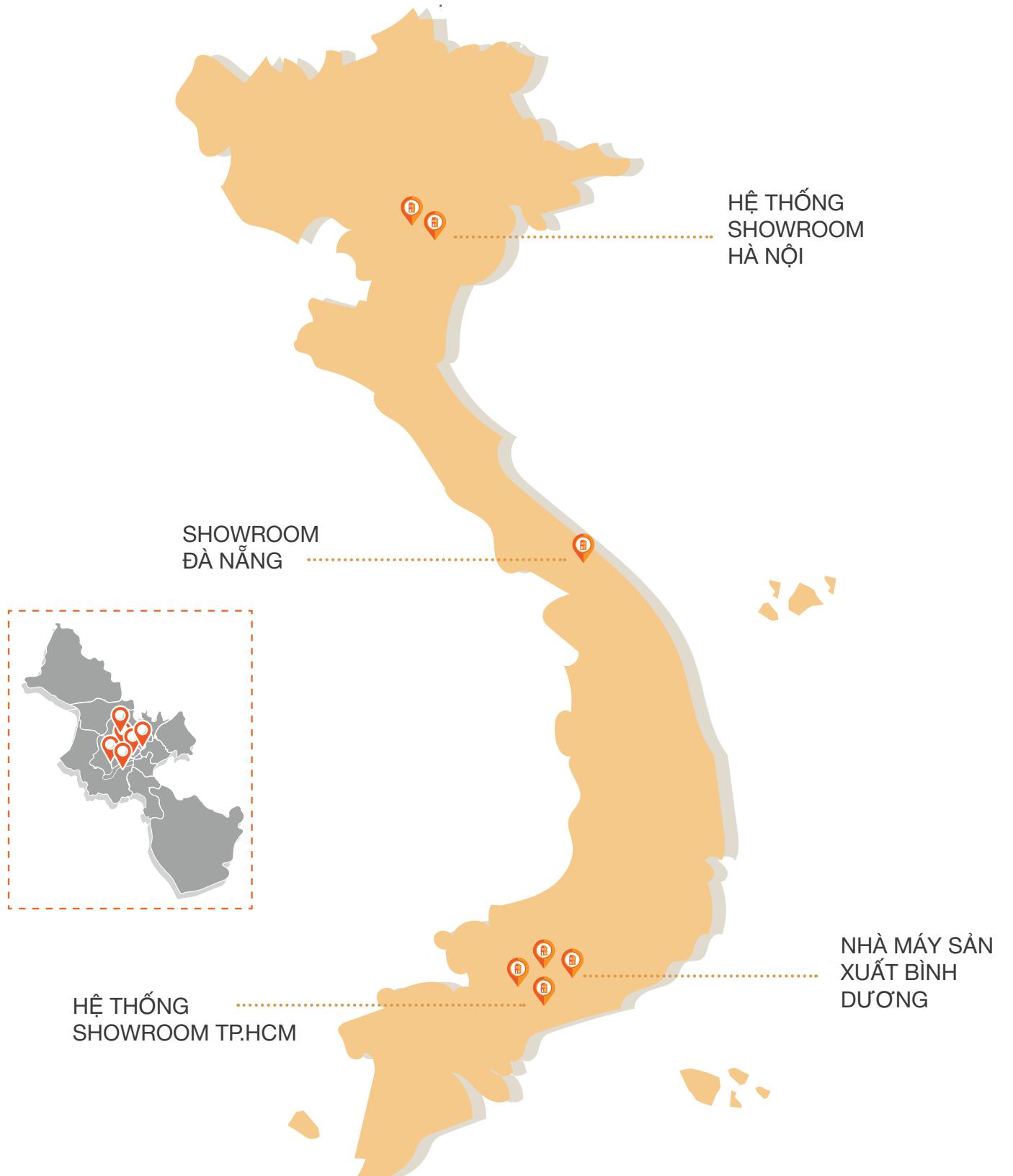
HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

b/ Đối với thị trường trong nước

Công ty đã thiết lập được mạng lưới gồm hơn 22 showroom, show depot, văn phòng đại diện và nhiều điểm bán hàng trên toàn quốc. Bên cạnh đó, Công ty đã và đang là nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ thi công trang trí nội thất lớn và thường xuyên cho nhiều tập đoàn/công ty bất động sản lớn tại Việt Nam như VinGroup, Novaland, Capital Land, Gamuda Land Vietnam, Keppel Land...

Hệ thống Showroom trong nước: Công ty cũng đã xây dựng thành công hệ thống showroom và hệ thống phân phối trong nước, tập trung ở các thành phố lớn. Đây là điểm đến tham quan và mua sắm của các khách hàng cả B2B và một số lượng người dùng cuối. Trong tương lai, Công ty tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối để khách hàng có thể dễ dàng hơn trong việc tiếp cận và trải nghiệm các sản phẩm và ứng dụng của các sản phẩm của Công ty. Hệ thống showroom hiện nay bao gồm:

- ▶ **An Cường Head Office:** 702/1K Sư Vạn Hạnh, P.12, Quận 10, TP.HCM.
- ▶ **HCMC One-Stop Shopping Center:** 279 Nguyễn Văn Trỗi, P.10, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
- ▶ **HCMC One-Stop Shopping Center:** 39 Nguyễn Cơ Thạch, P. An Lợi Đông, Q.2, TP.HCM.
- ▶ **An Cường Show Gallery And Design Center:** 702/3F Sư Vạn Hạnh, P.12, Quận 10, TP. HCM.
- ▶ **An Cường Show Gallery & Design Center:** Block A-Happy Valley-816 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM.
- ▶ **An Cường Show Gallery & Design Center:** CSPACE-12-13 Đường N1, Khu TM Nam, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.
- ▶ **An Cường Factory Outlet:** ĐT 747B, KP. Phước Hải, P.Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
An Cường Show Gallery & Design Center
 - ▶ Lô A17, Khu Công Nghiệp KSB - Khu B, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
 - ▶ **An Cường Show Depot 1:** 162 Tân Hương, P. Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.
 - ▶ **An Cường Show Depot 2:** Kho số 2, Cụm 5-1, Đường M12, Khu Công Nghiệp Tân Bình mở rộng, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Tân Bình, TP.HCM.
- ▶ **Hà Nội One-Stop Shopping Center**
 - ▶ 10 Chương Dương Độ, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- ▶ **Hà Nội Show Gallery and Design Center**
 - ▶ Villa C4-N08-B, Khu Đô Thị Mới Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 - ▶ **Đà Nẵng Office & Showroom:** 451 Điện Biên Phủ, P. Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng.
 - ▶ **An Cường Show Gallery & Design Center:** 75 Hoàng Diệu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng





► **HỆ THỐNG SHOWROOM NHƯỢNG QUYỀN**

BẮC NINH ONE-STOP SHOPPING CENTER - ÁI LINH

Thửa đất 10, 11 tờ bản đồ 52, P. Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh

HÀI PHÒNG ONE-STOP SHOPPING CENTER - THÁI TUẤN

Lô 1+2, Khu Đô Thị Mê Linh, Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng

THÁI NGUYÊN ONE-STOP SHOPPING CENTER - BÌNH DIN

719 tổ 8A, Phường Tân Lập, TP. Thái Nguyên

BẮC GIANG ONE-STOP SHOPPING CENTER - TRÍ VIỆT

309-313 Hoàng Văn Thụ, Phường Xương Giang, TP. Bắc Giang

QUẢNG NINH ONE-STOP SHOPPING CENTER - CCJ

A8, ô 31-32, Khu đô thị Mon Bay, Hải Long, Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long

THANH HÓA ONE-STOP SHOPPING CENTER - HỒNG ĐỨC

Lô 11- Đại lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa

ĐÀ NẴNG ONE-STOP SHOPPING CENTER - MINH TRÂN

75 Hoàng Diệu, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

PHÚ YÊN ONE-STOP SHOPPING CENTER - PHÚ THU

353 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

PHAN THIẾT ONE-STOP SHOPPING CENTER - MỸ NHẬT

10-12 Trương Hán Siêu, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết

BUÔN MA THUỘT ONE-STOP SHOPPING CENTER - PHÚC HƯNG

154 Lê Hồng Phong, TP. Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk

ĐÀ LẠT ONE-STOP SHOPPING CENTER - MINH CÔNG

23 Hoàng Diệu, Phường 5, TP. Đà Lạt

PHÚ QUỐC ONE-STOP SHOPPING CENTER - NAM ANH

Đường Tuyến Tránh, Xã Cửa Dương, Huyện Phú Quốc, Kiên Giang

► **HỆ THỐNG NHÀ PHÂN PHỐI**

CÔNG TY TNHH TM & TTNT MINH TRÂN

75 Hoàng Diệu hoặc 101 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu II, Hải Châu, Đà Nẵng

CÔNG TY TNHH XDSX & TM BÌNH DIN

719, tổ 8a, Phường Tân Lập, Thái Nguyên

CÔNG TY CPTM VÀ XNK ÁI LINH

Đê Hữu Hồng, Xâm Dương, Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội

CÔNG TY TNHH TM DV VIỆT HOÀNG

Phòng 603, 20 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

CÔNG TY TNHH TRANG ANH

Số 3 ngõ 94, Hồng Bàng, Vinh, Nghệ An

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU NỘI THẤT QUANG MINH

Số 12 Lý Thánh Tông, Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

CÔNG TY TNHH MTV TM THANH THANH

183- 185 Nguyễn Thái Học, Phường Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Bình Định

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGHỆ THUẬT

108 Hoàng Diệu, Phường Thành Công, Tp Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đăk Lăk

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM GIA LAI

20A Lê Lai, P. Diên Hồng, Tp. Pleiku, GiaLai

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC THÔNG NT

327 Đường 23/10, Phường Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

CỬA HÀNG HIỆP PHÁT

27 Phan Đình Phùng, Phường 1, Đà Lạt, Lâm Đồng

CỬ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ CN NGÔ THANH TÂM

42B CMT8, Phường Cái Khế, Ninh Kiều, Cần Thơ

CÔNG TY TNHH MTV GỖ CÔNG NGHIỆP THIỆN NHÂN

23 Trần Văn Giàu, Phường An Hòa, Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

CÔNG TY TNHH AN PHÁT BÌNH THUẬN

441 Trần Hưng Đạo, TP. Phan Thiết

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.

4.1 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 31/03/2020*

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	373	54.333.822	543.338.220.000	62,20
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
2	Tổ chức	1	43.861.200	438.612.000.000	50,21
3	Cá nhân	372	10.472.622	90.533.610.000	11,99
II	Nước ngoài	2	33.021.922	330.219.220.000	37,80
1	Tổ chức	2	33.021.922	330.219.220.000	37,80
2	Cá nhân	-	-	-	-
Tổng Cộng		375	87.355.744	873.557.440.000	100,00

* Chưa bao gồm 301.100 cổ phiếu quỹ.

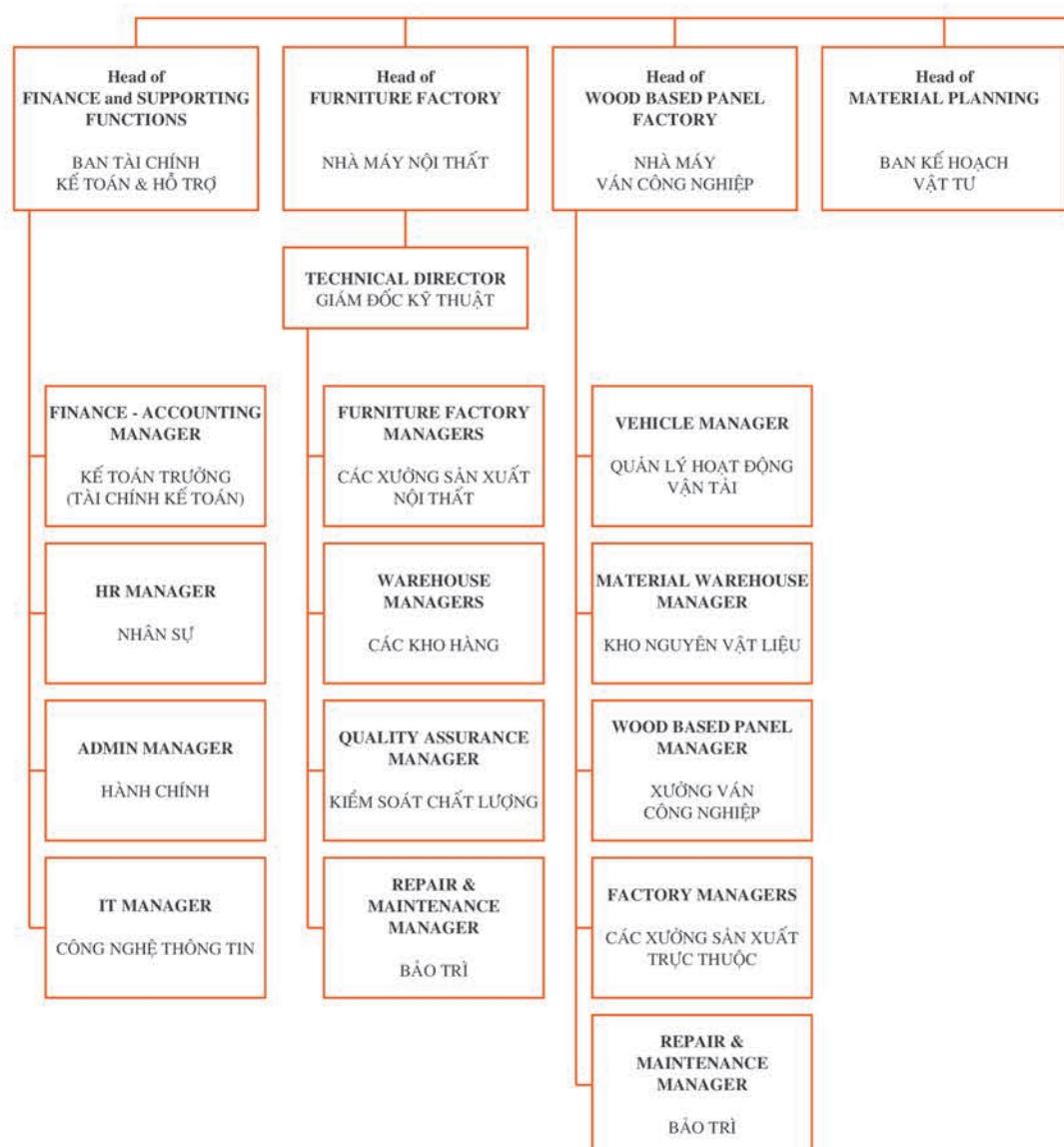


AN CƯỜNG®
Wood - Working Materials

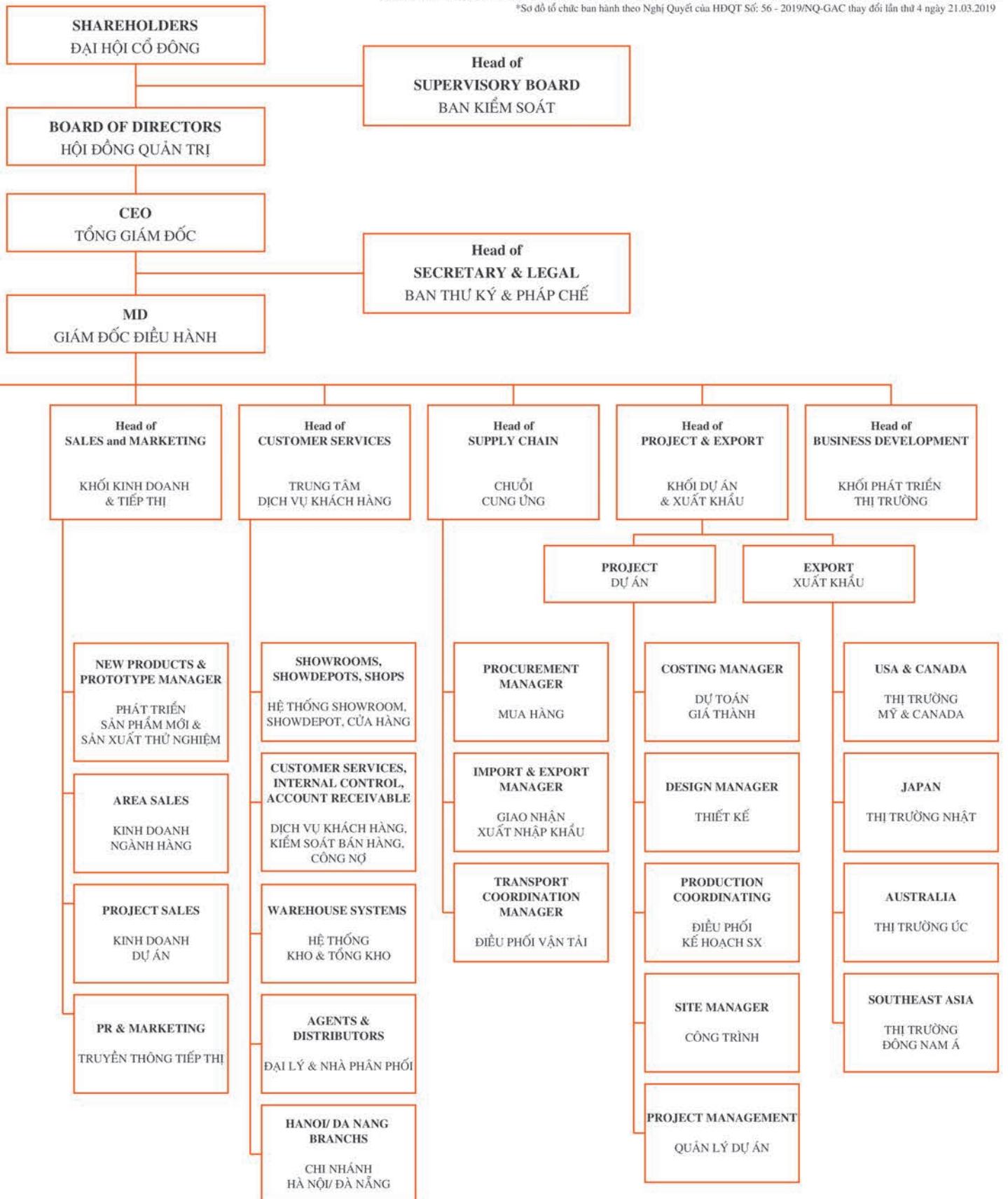


4.2

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



*Management structure plan's based on Board of Directors' resolution No: 56 - 2019/ NQ - GAC, which is revised on Mar 21st, 2019, Version 4.
 *Sơ đồ tổ chức ban hành theo Nghị Quyết của HĐQT Số: 56 - 2019/NQ-GAC thay đổi lần thứ 4 ngày 21.03.2019



4.3 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG LÊ ĐỨC NGHĨA

Chủ Tịch - Tổng Giám Đốc

Ông Lê Đức Nghĩa được đào tạo tại Đức và có hơn 27 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp và là một trong những chuyên gia hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á về vật liệu và giải pháp cho ngành gỗ công nghiệp.

Ông Nghĩa đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong Tập đoàn và một số tổ chức như:

- Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Gỗ An Cường.
- Chủ tịch kiêm CEO tại Công ty TNHH Sản xuất Gỗ An Cường.
- Chủ tịch tại Công ty TNHH Malloca Vietnam.
- Chủ tịch kiêm CEO tại Công ty TNHH AConcept Vietnam.
- Chủ tịch Câu Lạc Bộ Doanh nhân 2030 trực thuộc Saigon Times Club.
- Ban Chấp Hành Hội Doanh Nhân Trẻ Tp.HCM (YBA-HCM).





Ông MASAO KAMIBAYASHIYAMA
Phó Chủ Tịch HĐQT

Ông Masao Kamibayashiyama một chuyên gia trong ngành gỗ công nghiệp với hơn 21 năm kinh nghiệm. Ông từng giữ vị trí Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh tại Tập đoàn Sumitomo Forestry, Nhật Bản. Hiện nay, ông phụ trách phát triển kinh doanh thị trường Quốc tế cho An Cường.

Ông Kamibayashiya tốt nghiệp Đại học Seijo (Nhật Bản).



Ông NGUYỄN MINH TUẤN
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Minh Tuấn là một trong các cổ đông sáng lập của An Cường. Ông Tuấn tốt nghiệp Kỹ sư cơ khí từ Học viện Kỹ thuật Belarutxia (Belorussian) vào năm 1989.

Ngoài ra, Ông Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Luật, Chuyên ngành Kinh tế tại Đại học Luật Hà Nội.

Trước khi thành lập An Cường, Ông Tuấn làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần Máy tính, Truyền thông và Điều khiển 3C tại Hà Nội và Tp. HCM.



Ông JESS RUELØKKE
Thành viên HĐQT - Thành viên Độc lập

Ông Jess Rueløkke có hơn 30 kinh nghiệm ở các vị trí Giám đốc Điều hành, Giám đốc Tài chính và Giám đốc tại các công ty sản xuất nội thất đa quốc gia như Theodore Alexander, ScanCom International và KPMG.

Hiện nay, Ông Jess Rueløkke là Phó Giám đốc Điều hành tại VinaCapital và phụ trách nhóm nâng cao hiệu quả kinh doanh (Business Enhancement Team).

Ông Jess Rueløkke tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Kiểm toán, từ trường Đại học Miền Nam Đan Mạch (Southern Denmark) và có Chứng chỉ Kiểm toán viên (Đan Mạch).



Ông LÊ THANH PHONG

Thành viên HĐQT

Ông Phong có hơn 19 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp. Ông Phong là một trong những chuyên gia giỏi tại Việt Nam chuyên về tấm Laminate, các loại gỗ công nghiệp và phụ kiện hoàn thiện nội thất.

Ông Phong tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế từ trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.



Bà NGUYỄN DIỆU PHƯƠNG

Thành viên HĐQT - Thành viên Độc lập

Bà Phương có 15 năm làm việc tại VinaCapital, phụ trách lĩnh vực đầu tư vốn tự nhiên.

Trước đó, Bà Phương là Kiểm toán viên cao cấp (Audit Senior) tại KPMG Vietnam, phụ trách mảng khách hàng ngân hàng quốc tế và ngân hàng trong nước.

Bà Phương hiện là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH) và một số công ty khác được VinaCapital đầu tư.

Bà Phương tốt nghiệp Đại học Ngân hàng Tp. HCM và có chứng chỉ UK FCCA.



Ông TRẦN LƯƠNG THANH TÙNG

Thành viên HĐQT

Ông Tùng có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, đầu tư và tái cấu trúc doanh nghiệp.

Ông Tùng có kinh nghiệm làm việc và giữ các vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế như Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Đào tạo CFE (Giám đốc Nghiệp Vụ), Công ty Chứng khoán Thành Công (Giám đốc Đầu tư), Công ty Chứng khoán Âu Việt (Giám đốc Đầu tư), VinaCapital Group (Trưởng phòng Nghiên Cứu) và Công ty Kiểm toán AFC (thành viên của BDO International).

Ông Tùng tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) từ Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) và Cử nhân Luật từ trường Đại học Luật TP.HCM.



4.4 BAN KIỂM SOÁT



Bà TRẦN THỊ NGỌC TUỆ

Trưởng Ban Kiểm Soát

Bà Tuệ có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán.

Bà Tuệ tốt nghiệp Khoa Kiểm toán trường Đại học Kinh tế và tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Tp. HCM.



Bà MAI THỊ PHƯƠNG THẢO

Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Mai Thị Phương Thảo có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư. Hiện nay, Bà Thảo là Trưởng phòng Đầu tư tại VinaCapital phụ trách mảng đầu tư vốn cổ phần tư nhân.

Trước khi gia nhập VinaCapital vào năm 2014, Bà Thảo có 6 năm làm việc tại PXP Vietnam Asset Management và 3 năm làm việc tại Ngân hàng BIDV.

Bà Thảo tốt nghiệp MBA từ University of Hawaii và tốt nghiệp trường Đại học Ngoại Thương Tp. HCM.



Bà TRẦN THỊ KIM ANH

Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Trần Thị Kim Anh có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán quản trị.

Bà Kim Anh Tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế từ trường Đại học Văn Lang.

4.5 BAN ĐIỀU HÀNH



Bà VÕ THỊ NGỌC ÁNH

Tổng Giám Đốc

Hơn 22 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp. Chuyên gia tư vấn các loại vật liệu nội thất và vật liệu décor, đặc biệt là lõi gỗ công nghiệp.



Bà THIỀU THỊ NGỌC DIỄM

Trưởng Ban Tài chính Kế toán kiêm Kế Toán Trưởng

Hơn 19 năm kinh nghiệm về Quản trị Tài Chính – Kế Toán. Có kinh nghiệm về việc xây dựng hệ thống quản trị SAP-ERP, hệ thống kiểm soát và quản lý tài chính.

Am hiểu về quy trình quản lý và tái cấu trúc doanh nghiệp.



Ông LÊ THANH PHONG

*Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc
Khối Kinh Doanh Và Tiếp Thị*

Hơn 19 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp. Là một trong những chuyên gia giỏi tại Việt Nam chuyên về tấm Laminate, các loại gỗ công nghiệp và phụ kiện hoàn thiện nội thất.



Bà NGUYỄN THỊ HẢO

Phó Tổng Giám Đốc

Hơn 13 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp. Có kinh nghiệm trong ngành kinh doanh sản phẩm nội thất xuất khẩu làm từ gỗ công nghiệp và kinh nghiệm làm việc với các tập đoàn bán lẻ từ Nhật, Anh, Đức, Mỹ...



Bà NGUYỄN THỊ DUYÊN
*Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc
Nhà Máy Ván Công Nghiệp*

Hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp và được đào tạo tại Hàn Quốc. Chuyên gia về sản xuất các loại bề mặt gỗ công nghiệp.



Ông NGÔ TẤN TRÍ
*Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc
Nhà Máy Nội Thất*

Hơn 14 năm kinh nghiệm trong ngành nội thất, được đào tạo bởi những chuyên gia của Ý và Đức về sản xuất đồ nội thất từ gỗ công nghiệp.



Bà NGUYỄN THỊ KIM THOA
Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Chuỗi Cung Ứng

Hơn 18 năm kinh nghiệm sourcing về vật liệu trong ngành gỗ công nghiệp. Có nhiều năm kinh nghiệm làm việc với các hãng sản xuất dòng MDF, PB, tấm giấy bì mặt và các vật liệu, phụ kiện cho ngành nội thất.



Bà HUỲNH THỊ MINH QUYÊN
Trưởng Ban Kế Hoạch Vật Tư

Hơn 19 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp, kinh nghiệm điều phối tất cả các vật liệu đầu vào là nội thất làm từ gỗ công nghiệp.



5. CÁC CÔNG TY CON

Số thứ tự	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	Tỷ lệ vốn đã góp thực tế
1	Công ty TNHH Malloca Việt Nam	279 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM.	120	100%	100%
2	Công ty TNHH Sản Xuất Gỗ An Cường	Lô A17, Khu Công Nghiệp KSB - Khu B, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	796,6	100%	100%
3	Công ty TNHH Aconcept Việt Nam*	206 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp.HCM	30	100%	100%

*Công ty con gián tiếp. AConcept Việt Nam là công ty con của Malloca Việt Nam



6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- **Năm giữ hơn 55% thị phần** nguyên vật liệu trang trí nội thất và vật liệu décor thuộc phân khúc trung và cao cấp tại Việt Nam. Mục tiêu đạt **hơn 70% thị phần** tại thị trường Việt Nam vào năm 2021.
- Là nhà sản xuất và cung cấp nguyên vật liệu trang trí nội thất và vật liệu décor **hàng đầu** tại Việt Nam, khu vực Đông Nam Á và vươn tầm Châu Á.
- **Luôn theo đuổi sự hoàn hảo** và mục tiêu phát triển bền vững.





TÂM NHÌN

Trở thành nhà cung cấp nguyên vật liệu trang trí nội thất và vật liệu décor hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

.....



SỨ MỆNH

Chúng tôi mang đến các giải pháp cho ngành nội thất, phục vụ tối đa mọi nhu cầu trang trí của khách hàng.

.....



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CON NGƯỜI

Chính là tài sản của doanh nghiệp. Công ty luôn có cơ chế tốt để thu hút nhân tài và dành nhiều thời gian để đào tạo, giúp họ tự phát huy sở trường để trở thành hiền tài phục vụ công ty.

TÍNH LIÊM KHIẾT

Đạo đức kinh doanh đó là liêm khiết và minh bạch. Đây chính là kim chỉ nam cho các hoạt động của An Cường.

TÍNH ƯU TÚ

Mọi nhân viên luôn được tuyển chọn, đào tạo, định hướng và sắp xếp công việc hợp lý nhằm giúp họ say mê sáng tạo và tận tâm trong công việc, điều đó sẽ góp phần mang lại những sản phẩm tốt cùng với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

SỰ CẢI TIẾN

Cải tiến liên tục để luôn có phương pháp mới, hiệu quả hơn. Điều đó cũng giúp cho mỗi con người hạn chế tối đa “tính ì”, cải tiến đóng vai trò quan trọng và quyết định cho sự phát triển của An Cường.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa doanh nghiệp là toàn bộ các giá trị văn hóa được gầy dựng trên suốt quá trình phát triển của An Cường. Nhờ đó, An Cường đã gắn bó và kết nối lâu dài với cả đội ngũ nhân viên và các đối tác, khách hàng trong suốt chặng đường dài.

Quy tắc ứng xử của công ty đối với nhân viên: Lương, thưởng & phúc lợi gắn liền với hiệu quả công việc. Tạo ra môi trường mà nhân viên đều cảm thấy thoải mái để nói lên suy nghĩ.

Quy tắc ứng xử với đối tác và khách hàng: Tác phong làm việc chuyên nghiệp, trọng chữ tín với phong cách “Nói được, làm được và làm ngay”. Nhân viên không gạ gẫm khách hàng, nhận tiền hoa hồng khách hàng cho mục đích cá nhân.



ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Các nhân viên cấp quản lý hầu hết có thâm niên công tác tại An Cường trên 10 năm. Rất nhiều người trong số đó là những người đã gắn bó với công ty từ ngày đầu thành lập. Đội ngũ nhân viên yêu mến và gắn bó với công ty. Từ lúc thành lập, công ty chưa ghi nhận những trường hợp đình công, lăng công hay biểu tình nào.



ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG

Hầu hết các đối tác của An Cường có khoảng thời gian trung bình 10 năm hợp tác với Công ty. Thậm chí, có khoảng 10 nhà cung cấp lõi ván, chỉ nhựa, vật liệu Laminate và keo đã gắn bó với An Cường từ khi thành lập Công ty. An Cường cũng phát triển mối quan hệ bền vững với các khách hàng. Hầu hết những khách hàng làm việc với An Cường là các công ty thiết kế nội thất. 95% số lượng khách hàng làm việc với An Cường đã hơn 05 năm.



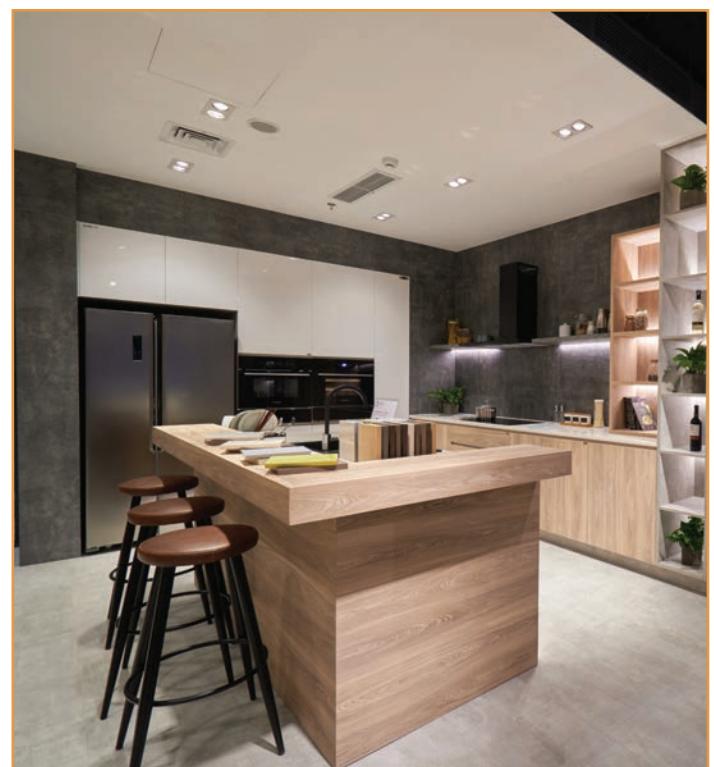
7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP

MFC[®]
Melamine Faced Chipboard

MFC & CÁC LOẠI VÁN PHỦ MELAMINE

Hiện 80% đồ gỗ nội thất dùng ván MFC vì giá cả phù hợp, màu sắc phong phú và hiện đại. Toàn bộ ván MFC của An Cường đều đạt tiêu chuẩn chất lượng Quốc Tế. Với hơn 300 màu MFC, An Cường mang đến sự lựa chọn đa dạng với MFC tiêu chuẩn, MFC phối 2 màu, MFC vượt khổ, MFC chống ẩm và các loại ván phủ Melamine.





7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP

Laminate Kingdom®
High Pressure Laminate

LAMINATE KINGDOM

Thương hiệu Laminate Kingdom®, được An Cường sở hữu và phân phối độc quyền với hơn 700 màu gỗ các loại. Laminate đang mở ra nhiều khả năng ứng dụng đầy mê hoặc và đáng ngạc nhiên cho công nghiệp đồ gỗ và trang trí nội thất.





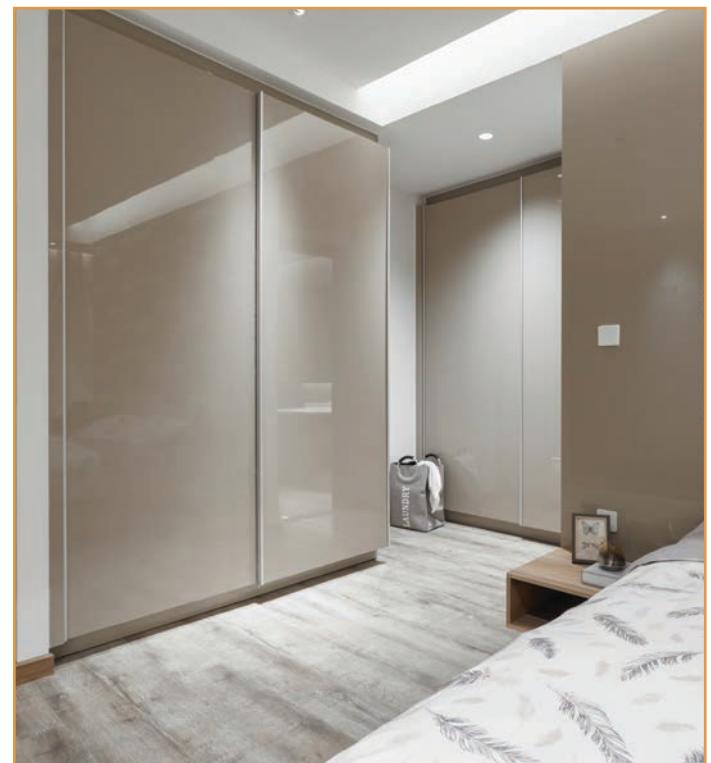
7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP



TẤM HIGH GLOSS ACRYLIC

Đặc tính của tấm Acrylic bóng gương là đẹp, sang trọng, hiện đại, xanh sạch, thân thiện với môi trường, thi công nhanh mà giá thành hợp lý. Bề mặt chất liệu Acrylic có độ nhẵn bóng và phản ánh cao hơn gấp 2 lần so với các loại ván gỗ phủ sơn. Màu sắc gỗ Acrylic rất phong phú với hơn 90 màu đủ loại, từ màu trơn, metallic đến những màu vân gỗ sang trọng.





7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP

LAMINATE FLOORING[®]
TOUCH | NATURAL | MODERN

VÁN SÀN AN CƯỜNG

Bộ sưu tập Touch-Natural-Modern gồm có hơn 60 màu cement và vân gỗ cá tính, dày 8mm và 12mm. Bộ sưu tập cập nhật toàn bộ xu thế nội thất mới nhất của thế giới năm 2018 - 2019 với những vân gỗ, mắt gỗ to, vừa cổ kính vừa hiện đại. Kỹ thuật hèm khóa V-groove tạo điểm nhấn cho tổng thể sàn được quét sáp chống ẩm, mang lại vẻ đẹp đẳng cấp, sang trọng và bền bỉ cho ngôi nhà của bạn.





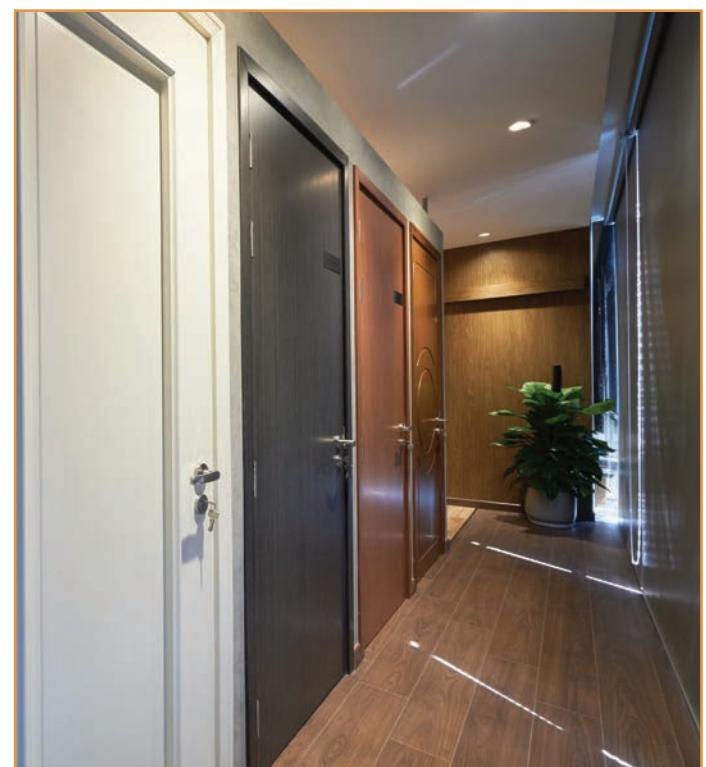
7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP

VENEER

VENEER

An Cường là đơn vị tiên phong ở Việt Nam cung cấp dòng sản phẩm gỗ lạng Veneer cao cấp nhất được nhập khẩu 100% từ Ý và Tây Ban Nha. Với sự chuyển giao công nghệ của các chuyên gia Ý cùng hàng loạt máy móc tối tân nhất nhập khẩu từ Châu Âu, sản phẩm Veneer của An Cường được đánh giá với tiêu chuẩn và chất lượng Châu Âu.





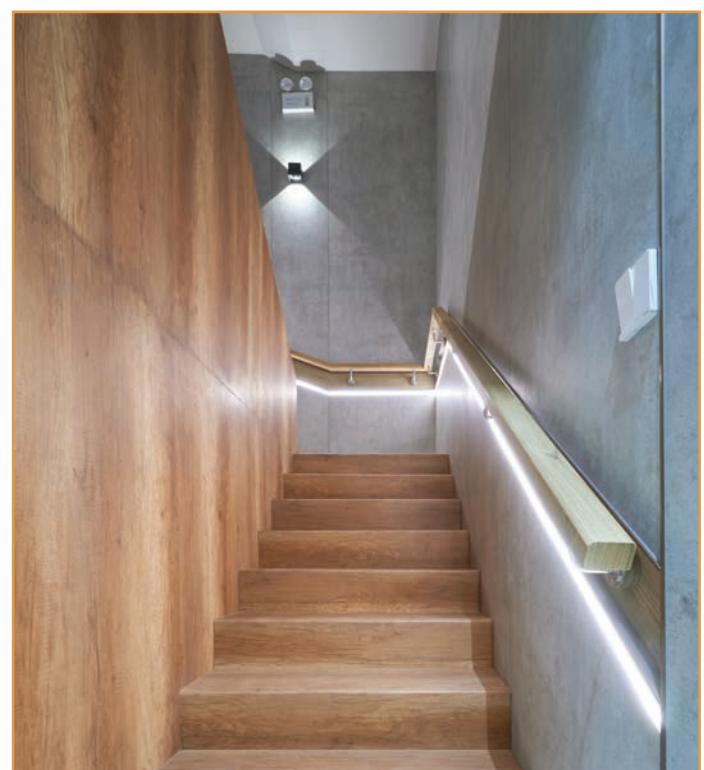
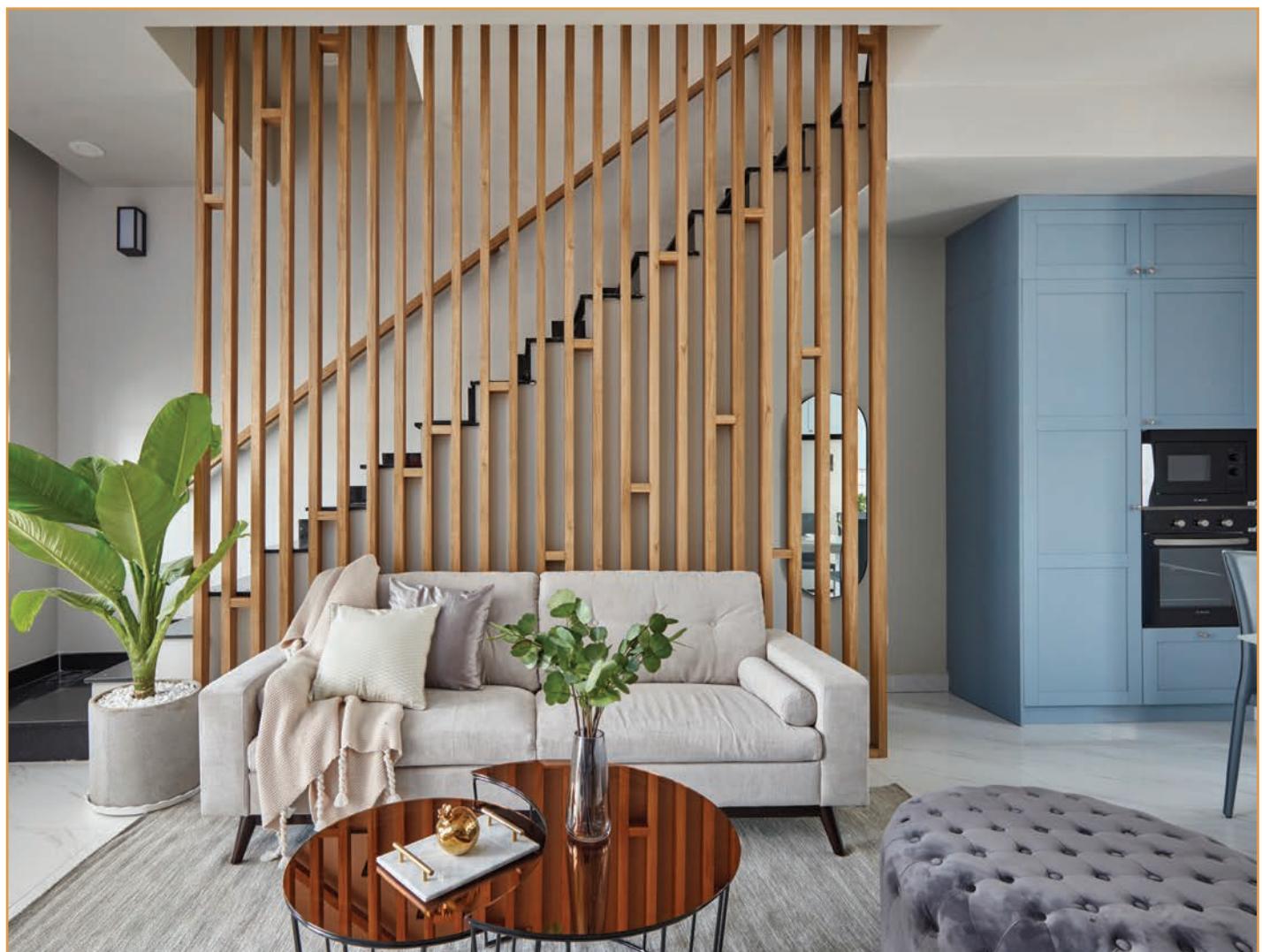
7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP

Eco-VENEER

ECO-VENEER

Eco-Veneer (Veneer nhân tạo có hiệu ứng như Veneer thật) là sản phẩm hỗn hợp gồm sợi cellulose gỗ kết hợp với nhựa. Lớp bề mặt là sợi cellulose gỗ, được hoàn thiện bởi lớp PU có hiệu ứng bề mặt như thật và độ chống trầy xước như Veneer tự nhiên thổi PU. Ngoài việc có thể dán lên gỗ MDF, gỗ dăm như Veneer thông thường, An Cường có sẵn loại Eco-Veneer phủ lớp keo mặt sau, đây là loại keo đặc biệt của Đức có độ bám dính cực kì cao và có thể chịu được nhiệt độ lên tới 80oC, đảm bảo độ bền, tính tiện lợi và nhanh chóng.





7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP

PIANO GLOSS

PIANO GLOSS

Piano Gloss (cao cấp hơn Acrylic) là dòng hàng cao cấp, được An Cường đầu tư dàn máy móc hiện đại lên đến hàng trăm triệu USD tự động từ A-Z, cho chất lượng sản phẩm đẹp hoàn hảo. Với diện tích phân xưởng hơn 6000m² và 100 công nhân do chuyên gia người Ý đảm trách, sản phẩm được đảm bảo đúng tiêu chuẩn quốc tế, chất lượng đẹp như nước sơn đàn piano, nội thất nhà bạn từ đó cũng hoàn hảo không kém những mẫu nội thất tại Ý, Đức ...



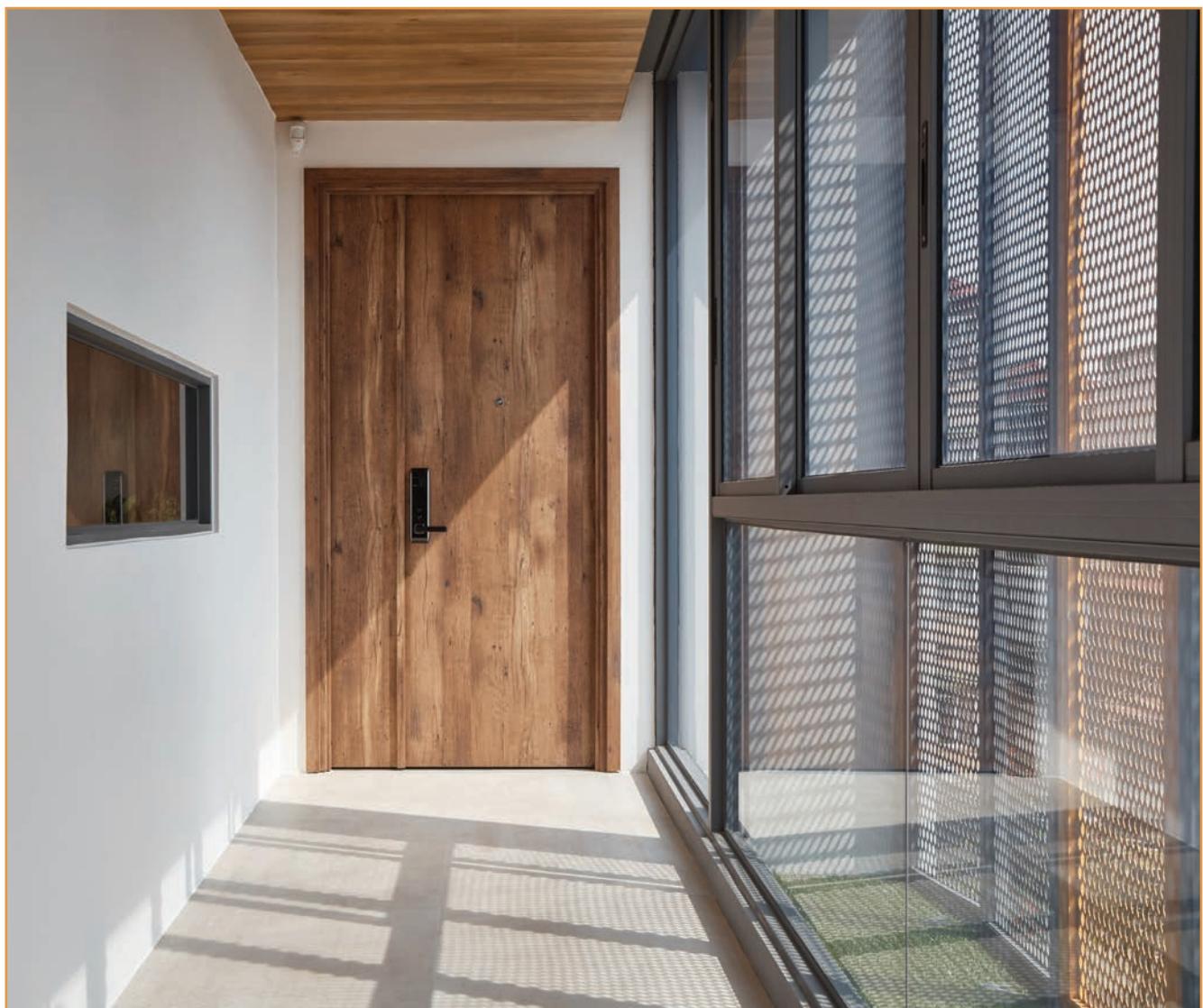


7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP



CỬA GỖ CÔNG NGHIỆP

An Cường đã phát triển dòng sản phẩm cửa với sự kết hợp của các chất liệu Veneer, Melamine, Laminate, Acrylic...mang kiểu dáng hiện đại và phong phú về màu sắc. Với hơn 1.300 màu đơn sắc và vân gỗ, An Cường mang đến các giải pháp cho sản phẩm cửa nhằm đa dạng hóa sự lựa chọn như: cửa phổi màu, cửa vượt khổ 2.7m và giải pháp đồng màu sàn nhà - lén tường - cửa.



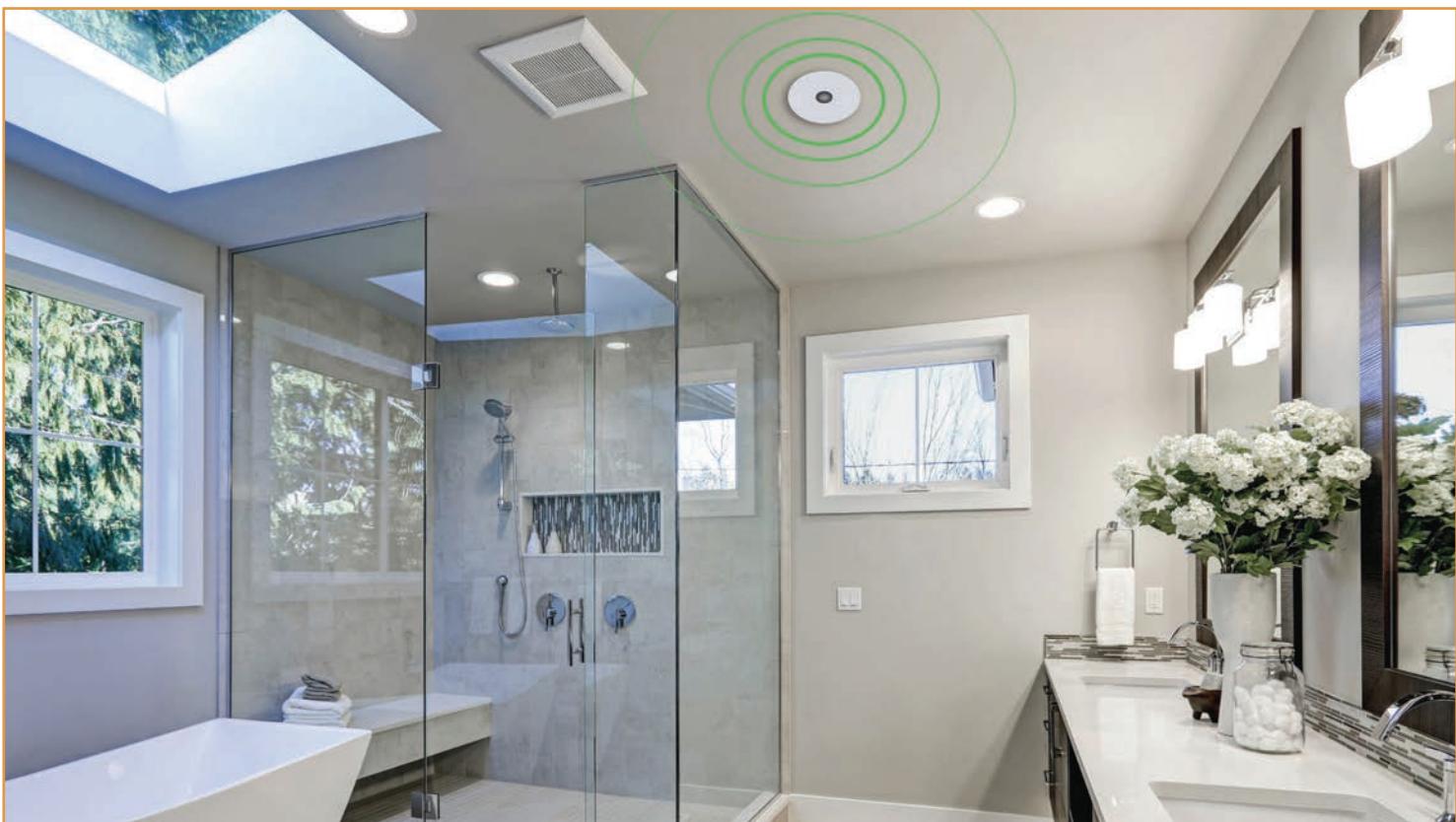


7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP

SMARTHOME

Giải pháp điều khiển nhà thông minh của Schneider Electric sử dụng chuẩn truyền thông không dây Zigbee 3.0 phiên bản mới nhất. Wiser cho phép điều khiển và giám sát toàn bộ căn nhà từ xa qua điện thoại, mang đến sự tiện lợi và an tâm cho chủ nhà. Đến nay hơn 7000 hệ thống Wiser đã được lắp đặt ở các dự án căn hộ, nhà phố, villa tại Việt Nam





7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP



NHÀ PHÂN PHỐI ĐỘC QUYỀN IMUNDEX

Tập đoàn Feddersen được thành lập năm 1949 tại Đức, kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau như hóa chất, thép, sản phẩm kỹ thuật... với hệ thống chi nhánh, văn phòng đại diện và hơn 800 nhân viên trên toàn cầu. Công ty Cổ phần Gỗ An Cường được chỉ định là nhà phân phối độc quyền về dòng hàng phụ kiện từ 01/05/2016 tại Việt Nam. Với sự cộng tác chiến lược giữa hai bên và với hệ thống hơn 10 showroom trên cả nước, Công ty tin rằng có thể đem đến những sản phẩm chất lượng cao và phục vụ khách hàng tốt nhất.



Member of the Feddersen Group – Germany



7. SẢN PHẨM VÀ GIẢI PHÁP



HỢP TÁC TOÀN DIỆN GIỮA AN CƯỜNG - HETTICH

Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh toàn diện với tập đoàn Hettich, theo đó An Cường là Công ty độc quyền phân phối sản phẩm Hettich tại Việt Nam. Sự kết hợp giữa Công ty và Hettich sẽ tạo ra những giải pháp gỗ nội thất đẳng cấp và chất lượng bậc nhất.



Technik für Möbel



8. CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

Tất cả sản phẩm của An Cường đã được Viện Nghiên Cứu Rừng Malaysia (FRIM) cấp chứng nhận CQ đạt chuẩn chất lượng quốc tế. Ngoài ra, An Cường là công ty duy nhất trong ngành gỗ Việt Nam đạt được chứng nhận Green Label do Singapore cấp – đây là giấy chứng nhận danh giá nhất tại khu vực về sản phẩm xanh, sạch, thân thiện và bảo vệ môi trường.

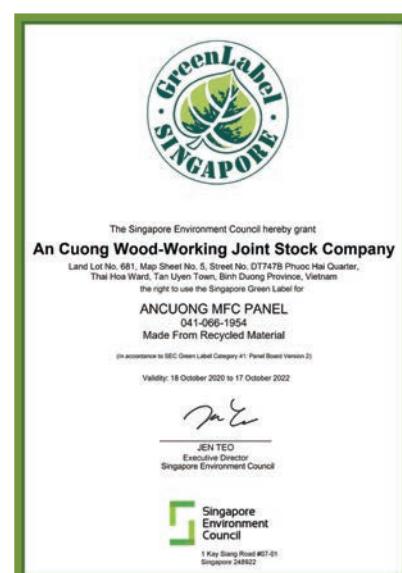
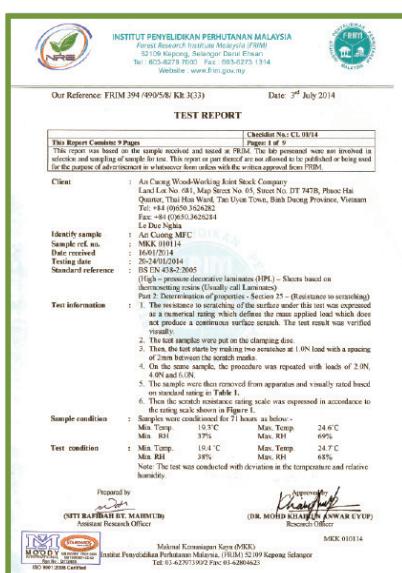
Với công nghệ và sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, An Cường tự tin làm hài lòng mọi nhu cầu trang trí nội thất đa dạng, đảm bảo tính bền lâu của vật liệu và sức khỏe người tiêu dùng.



SA 8000:2014

ISO 14001:2015

ISO 9001:2015



CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VỀ GỖ
CỦA FOREST INSTITUTION

GREEN LABEL SINGAPORE



C.A.R.B.





9. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Nền kinh tế của Việt Nam có độ mở lớn với tất cả các Châu lục nên mức độ liên thông với kinh tế thế giới cũng rất lớn. Vì vậy, biến động về chính trị, kinh tế, lạm phát, suy thoái hay khủng hoảng kinh tế trên thế giới sẽ ảnh hưởng nhanh và trực tiếp đến kinh tế trong nước, trong đó có ngành vật liệu xây dựng.

Nhìn chung, tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới trong giai đoạn 2015 - 2020 hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty liên tục mở rộng quy mô sản xuất từ đó thúc đẩy doanh thu tăng trưởng vượt bậc trong giai đoạn này giúp Công ty ngày càng củng cố vị thế dẫn đầu của mình ở thị trường trong nước và trong khu vực Đông Nam Á. Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động đề ra và tuân thủ chương trình quản trị rủi ro (QTRR) và có phương án dự phòng cho các tình huống/biến động tiêu cực của môi trường vĩ mô. Công ty thường xuyên nâng cao năng lực tài chính và đảm bảo các chỉ số an toàn về tài chính và hoạt động.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Rủi ro về tỷ giá thường có ảnh hưởng đến chi phí/thu nhập của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu. Hiện nay, Công ty sử dụng chủ yếu nguyên liệu từ nguồn cung cấp trong nước và các nhà cung cấp chính của Công ty cũng chủ yếu mua nguyên liệu đầu vào của họ ở thị trường trong nước, do đó Công ty cũng không bị ảnh hưởng “bắc cầu” rủi ro tỷ giá từ việc mua nguyên liệu đầu vào của các nhà cung cấp chính của mình. Ngoài ra, khoảng 20-25% doanh thu của Công ty là từ thị trường xuất khẩu nên Công ty cũng có nguồn thu ngoại tệ để cân bằng rủi ro tỷ giá khi phải nhập khẩu một số nguyên liệu và phụ kiện từ nước ngoài. Đây là điều kiện tốt để Công ty chủ động thực hiện việc QTRR biến động tỷ giá góp phần giảm thiểu rủi ro và tạo ra thu nhập tài chính cho Công ty.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là các khu vực và các nước là thị trường xuất khẩu chính của Công ty, hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành để phù hợp với các hiệp định thương mại, thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế. Việc áp dụng không kịp thời các thay đổi của chính sách pháp luật và các văn bản pháp luật điều chỉnh sẽ dẫn tới rủi ro về pháp luật đối với Công ty.

Bên cạnh đó, là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này vẫn cần hoàn thiện tiệm cận với thông lệ quốc tế, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động trong việc tuân thủ và cập nhật và hệ thống hóa các văn bản pháp luật, các hiệp định thương mại và phổ biến tới từng phòng ban hoặc toàn thể CBCNV.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Nguyên liệu đầu vào của các công ty trong ngành chủ yếu là gỗ, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong giá thành sản phẩm (tùy doanh nghiệp và sản phẩm). Sự biến động giá cả nguyên liệu tác động lớn đến lợi nhuận của các công ty trong ngành. Cũng như các doanh nghiệp cùng ngành, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro về giá nguyên liệu. Trong thời gian gần đây, giá nguyên liệu gỗ đầu vào ở Việt Nam có sự biến động mạnh. Việc các nhà máy ván MDF đưa các dây chuyền đầu tư mới vào vận hành tạo ra nhu cầu đột biến đối với gỗ nguyên liệu làm cho giá nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào tăng mạnh. Tuy nhiên, các nhà máy chế biến gỗ nguyên liệu này chưa thể tăng giá bán đầu ra để bù đắp cho sự tăng giá đầu vào do (i) giá nhập khẩu gỗ từ các nước trong khu vực (chủ yếu là từ Thái Lan) không tăng và (ii) các dây chuyền sản xuất mới được đưa vào hoạt động dẫn đến việc dư thừa công suất sản xuất nên họ cần giữ thị phần đầu ra. Sản phẩm đầu ra của các nhà máy này là đầu vào của Công ty, do đó, việc tăng giá gỗ nguyên liệu chưa qua chế biến chưa làm ảnh hưởng nhiều đến giá đầu vào của Công ty.

Trong điều kiện kinh tế phát triển bình thường, nếu tình trạng tăng giá nguyên liệu đầu vào diễn ra thì Công ty có thể chuyển dần chi phí tăng thêm này vào giá bán sản phẩm đầu ra. Dựa vào chiến lược đối với hàng tồn kho, Công ty có chính sách chia sẻ khó khăn với khách hàng và chỉ điều chỉnh tăng dần giá bán nhằm hài hòa lợi ích các bên và duy trì được tỷ lệ lợi nhuận kỳ vọng.

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Cuộc chiến tranh thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới Trung Quốc và Mỹ không chỉ ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế 2 nước mà còn ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu và rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc Mỹ áp thuế lên hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc, đặc biệt là áp lên một số mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế xuất khẩu (trong đó có ngành gỗ và sản phẩm nội thất) đã đem lại cho Việt Nam những cơ hội để phát triển bứt phá. Tuy nhiên, chiến tranh thương mại này cũng tạo ra nhiều thách thức đối với nền kinh tế của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Công ty cần tận dụng tốt cơ hội, tìm ra những biện pháp vượt qua khó khăn để tạo nên bước đột phá mới.

Đối với thị trường trong nước, tốc độ tăng trưởng của ngành gỗ và nội thất có mối liên hệ khá chặt với sự phục hồi và phát triển của thị trường bất động sản, ngành xây dựng dân dụng và ngành du lịch nghỉ dưỡng. Ngành bất động sản và xây dựng dân dụng bùng nổ với tỷ lệ giao nhà cao sẽ thúc đẩy nhu cầu về hoàn thiện nhà và trang trí nội thất. Tương tự, ngành du lịch nghỉ dưỡng phát triển kéo theo nhu cầu phát triển hệ thống khách sạn, resort cũng như nhu cầu trang trí và hoàn thiện nội thất cho chính các hệ thống này. Nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao trong các năm qua và dự kiến tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao trong thời gian tới, tuy nhiên, cũng như các nền kinh tế khác, nền kinh tế Việt Nam cũng có tính chu kỳ. Đối với thị trường bất động sản, tính chu kỳ thể hiện khá rõ nét. Tăng trưởng của ngành gỗ và nội thất nói chung và các sản phẩm của Công ty nói riêng có sự tương quan nhất định với “sức khỏe” của thị trường bất động sản. Công ty có thể giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường trong nước nhờ vào việc đa dạng hóa nguồn khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng xuất khẩu và nhóm khách hàng doanh nghiệp tư vấn thiết kế có mối quan hệ gần gũi với người dùng cuối. Bên cạnh đó, dưới tác động của dịch bệnh, ngành du lịch nghỉ dưỡng là ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, kéo theo sự sụt giảm của nhu cầu nội thất, đặc biệt là nhóm nội thất ngoài trời. Một điều may mắn là đây lại không phải là phân khúc khách hàng mục tiêu của Công ty nên Công ty không bị ảnh hưởng từ việc sụt giảm nhu cầu của phân khúc khách hàng này.

RỦI RO QUẢN TRỊ VÀ TÁC NGHIỆP CÔNG TY

Rủi ro quản trị và tác nghiệp là rủi ro liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến Công ty có thể bị khởi kiện. Rủi ro tác nghiệp có thể xuất phát từ nguyên nhân con người (không cẩn trọng trong quá trình thực hiện các thao tác tác nghiệp, cố tình gian lận...), hoặc do sơ hở trong các quy trình tác nghiệp, sự yếu kém trong hệ thống công nghệ thông tin, kiểm soát nội bộ và QTRR.

Để hạn chế rủi ro trên, Công ty chú trọng công tác tuyển dụng và thường xuyên tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho các phòng ban và toàn thể CBCNV. Bên cạnh đó, từ ngày 03/01/2017, Công ty đã chính thức vận hành hệ thống SAP-ERP cho toàn bộ Tập Đoàn. Việc sử dụng hệ thống SAP-ERP đã giảm thiểu được rủi ro hoạt động, tiết kiệm được thời gian truy xuất dữ liệu và phân tích dữ liệu, từ đó phục vụ tốt cho công tác quản trị của công ty, bao gồm QTRR hoạt động của toàn hệ thống.

RỦI RO HÀNG GIẢ HÀNG NHÁI THƯƠNG HIỆU CỦA CÔNG TY

Tính hiệu lực và răn đe của pháp luật trước nạn hàng giả hàng nhái thương hiệu và ăn cắp mẫu mã sản phẩm còn nhiều bất cập, chưa hoàn toàn bảo vệ được những nhà sản xuất chân chính dẫn đến tình trạng hàng giả hàng nhái nhãn hiệu và ăn cắp mẫu mã sản phẩm trên thị trường, đe dọa nghiêm trọng không chỉ về doanh thu, lợi nhuận mà còn về niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm của An Cường.

Công ty đã thành lập đội kiểm tra sản phẩm và chất lượng sản phẩm tại công trình hoặc nhà của khách hàng khi có yêu cầu, sử dụng mã QR để truy xuất nguồn gốc sản phẩm qua đó hạn chế việc giả mạo sản phẩm hoặc trộn lẫn sản phẩm An Cường với các sản phẩm kém chất lượng.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Ngành chế biến gỗ có liên hệ mật thiết với ngành lâm nghiệp. Việc bảo tồn rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ thượng nguồn, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chính địa bàn đó và các địa bàn lân cận. Khai thác rừng trái phép, tận thu, hỏa hoạn... làm giảm diện tích rừng sẽ gây lũ quét, xói mòn đất và ô nhiễm môi trường.

Khác với các công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ khác, An Cường là Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất gỗ công nghiệp (Wood Based Panel). Gỗ công nghiệp chủ yếu được làm từ gỗ tái sinh, ngọn cành của cây gỗ kết hợp với keo hay hóa chất và gia nhiệt để làm ra tấm gỗ. Ở Việt Nam, phần cành ngọn của gỗ chủ yếu được lấy từ cây cao su và cây tràm. Hai nguồn này chủ yếu là rừng trồng. Do đó, về bản chất, ngành gỗ công nghiệp không gây tổn hại đến môi trường xanh, trái lại còn tạo ra nguồn thu nhập lớn cho các hộ dân và các công ty trồng rừng, qua đó khuyến khích việc mở rộng diện tích rừng trồng.

Ngoài ra, An Cường là công ty duy nhất trong ngành gỗ Việt Nam đạt được chứng nhận Green Label do Singapore cấp – đây là giấy chứng nhận danh giá nhất tại khu vực về sản phẩm xanh, sạch, thân thiện và bảo vệ môi trường.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

Công ty thường xuyên cập nhật chương trình phòng chống dịch bệnh, mua bảo hiểm nhà xưởng, hàng tồn kho, hàng thành phẩm, hàng vận chuyển, đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho CBCNV Công ty để giảm thiểu các rủi ro này.



II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN I
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2020

A-Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) trong năm 2020

1. Thông tin về thành viên HĐQT:

Số thứ tự	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Đức Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	30/11/2017	
2	Ông Masao Kamibayashiyama	Phó chủ tịch HĐQT	10/05/2019	
3	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	30/11/2017	
4	Ông Jess Rueloekke	Thành viên độc lập	12/11/2020	
5	Ông Lê Thanh Phong	Thành viên	03/06/2020	
6	Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên độc lập	03/06/2020	
7	Ông Trần Lương Thanh Tùng	Thành viên	12/11/2020	
8	Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên	30/11/2017	12/11/2020
9	Bà Trần Thị Mộng Thu	Thành viên	30/11/2017	03/06/2020
10	Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	30/11/2017	03/06/2020

Hiện nay, HĐQT Công ty mẹ có 7 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập.

2. Các cuộc họp HĐQT:

Số thứ tự	Thành viên HĐQT/	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự họp/
1	Ông Lê Đức Nghĩa	11	100%	
2	Ông Masao Kamibayashiyama	11	100%	
3	Ông Nguyễn Minh Tuấn	0	0%	Ủy quyền cho Ông Lê Đức Nghĩa tham gia tất cả 11 cuộc họp
4	Bà Đặng Phạm Minh Loan		100%	
5	Ông Lê Thanh Phong	11	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	8	73%	
7	Ông Jess Rueloekke	8	73%	Bổ nhiệm từ 12/11/2020
8	Ông Trần Lương Thanh Tùng	0	0%	Bổ nhiệm từ 12/11/2020
9	Bà Trần Thị Mộng Thu	0	0%	Bổ nhiệm từ 30/11/2017 đến 03/06/2020
10	Ông Trần Bảo Minh	3	27%	Bổ nhiệm từ 30/11/2017 đến 03/06/2020

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc (BTGĐ):

Căn cứ Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (“TGĐ”) và BTGĐ trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) và HĐQT trong 6 tháng cuối năm 2020 như sau:

3.1. Phương thức giám sát: HĐQT thực hiện việc giám sát BTGĐ trong việc tổ chức, triển khai và thực hiện các nghị quyết của HĐQT thông qua các cuộc họp và các hoạt động kiểm tra giám sát thường xuyên đối với các nhiệm vụ cụ thể được phân công. Tại các cuộc họp, HĐQT đều soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình SXKD của quý và lũy kế, thảo luận và quyết định thông qua các nghị quyết để TGĐ và BTGĐ làm cơ sở triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông qua phần mềm họp trực tuyến, thư điện tử và điện thoại với thành viên BTGĐ về các nội dung, vấn đề quan tâm giám sát.

3.2. Kết quả giám sát: Với những kết quả đạt được trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tổng kết, thảo luận và đánh giá: TGĐ và BTGĐ đã có nỗ lực to lớn và thực hiện rất tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2020, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, BTGĐ đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt việc phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo việc làm, an toàn sức khỏe nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan.

3.3. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2020

Số	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-2020/NQ-GAC	10/03/2020	Tăng vốn điều lệ theo chương trình ESOP 2019 (tăng lên 876.568.440.000đ)	100%
2	02-2020/NQ-GAC	13/04/2020	-Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 -Thông qua kế hoạch triệu tập ĐHĐCĐ thường niên.	100%
3	03-2020/NQ-GAC	13/04/2020	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020-2021. - Phê duyệt hạn mức tín dụng Vietinbank – CN8.	100%
4	04-2020/NQ-GAC	13/7/2020	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020-2021. - Phê duyệt hạn mức tín dụng tại Vietinbank – CN8.	100%
5	05-2020/NQ-GAC	20/7/2020	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) – Chi nhánh KCN Sóng Thần.	100%
6	06-2020/NQ-GAC	18/08/2020	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.	100%
7	07-2020/NQ-GAC	25/08/2020	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Lê Đức Nghĩa để đảm bảo tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị Định 71-2017/NĐ-CP.	100%
8	08-2020/NQ-GAC	23/09/2020	Thông qua kế hoạch mua lại 285.000 cổ phần của Công ty đã phát hành làm cổ phiếu quỹ.	100%
9	09-2020/NQ-GAC	06/10/2020	Thông qua việc thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ	100%
10	10-2020/NQ-GAC	29/10/2020	Phê duyệt hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Hàng Hải (MSB).	100%
11	11-2020/NQ-GAC	06/11/2020	Phê duyệt hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Vietcombank (VCB).	100%

B- Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD)

1. Kết quả thực hiện SXKD năm 2020

Kết quả hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường (“Tập Đoàn”)

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước	
				2019 so với 2018	2020 so với 2019
Tổng tài sản	3.568,8	4.179,5	4.453,1	17,1%	6,5%
Vốn chủ sở hữu	2.549,9	3.370,7	3.516,7	32,2%	4,3%
Doanh thu thuần	3.873,0	4.434,5	3.753,6	14,5%	-15,4%
Lợi nhuận từ HĐKD	648,6	549,5	559,0	-15,3%	1,7%
Lợi nhuận trước thuế	654,0	554,5	561,7	-15,2%	1,3%
Lợi nhuận sau thuế	505,2	486,4	492,0	-3,7%	1,2%

Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất, trước diễn biến bất thường của dịch bệnh, Tập Đoàn đã có sự chủ động trong việc phòng chống dịch và linh hoạt trong việc tổ chức kinh doanh. Theo đó, Tập Đoàn chủ động tiếp tục đánh giá sức khỏe tài chính của khách hàng, nhất là khách hàng dự án từ đó đề ra ứng xử phù hợp. Tập Đoàn đã chủ động không tham gia vào các dự án/đơn hàng có biên lợi nhuận thấp hoặc thậm chí có thể bị thua lỗ để tập trung cho các khách hàng/đơn hàng có biên lợi nhuận và khả năng thanh toán tốt.

Tính chung cả năm 2020, Doanh thu hợp nhất của Tập Đoàn đạt 3.753,6 tỷ đồng (giảm 15,4% so với năm 2019 và đạt 87% kế hoạch năm 2020). Nhờ vào việc chủ động cắt giảm chi phí và tập trung vào các đơn hàng có biên lợi nhuận tốt, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập Đoàn đạt 492 tỷ đồng (tăng 1,2% so với năm 2019 và đạt 129,3% kế hoạch cả năm 2020).

Kết quả thực hiện SXKD năm 2020 của các Công ty thuộc Tập Đoàn

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% So kế hoạch 2020	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (2019)
Doanh thu	4.312,3	3.753,6	87,0%	-15,4%
Lợi nhuận sau thuế	380,4	492,0	129,3%	1,2%

2. Thuyết minh kết quả SXKD hợp nhất năm 2020

Trong năm 2020, Tập Đoàn tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh gỗ, đồ nội thất và phụ kiện ngành nội thất với sự chuyển hướng rõ ràng trong việc gia tăng tỷ trọng xuất khẩu tập trung vào thị trường Mỹ.

Năm 2020, doanh thu hợp nhất cả Tập Đoàn đạt 3.753 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 492 tỷ đồng, lần lượt đạt 87% và 129,3% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm. Đây là kết quả đáng khích lệ trong điều kiện dịch bệnh virus Corona xảy ra từ tháng 2 năm 2020 và sự đi xuống của thị trường bất động sản (đối với phân khúc căn hộ). Nhìn chung, với chiến lược đúng đắn, sự chuẩn bị kỹ càng và phản ứng nhanh nhạy đối với rủi ro sự kiện, Công ty đã chủ động giảm thiểu rủi ro đối tác đối với các khách hàng có độ rủi ro cao và tập trung nhiều hơn vào việc quản trị chi phí. Các khoản mục chi phí đều được quản trị rất tốt, cả biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng đều được cải thiện so với cùng kỳ năm trước, lần lượt đạt 27,1% (so với mức 24,9% của năm 2019) và 13,1% (so với mức 11% của năm 2019).

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tập Đoàn được mở rộng và an toàn. Tổng tài sản vào 31/12/2020 đạt 4.453 tỷ đồng, tăng 273 tỷ đồng so với 31/12/2019.

3. Cổ tức và trích lập các quỹ

3.1 Cổ tức

Trong năm 2020, Công ty mẹ đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền 2 lần như sau:

- Lần 1: Thanh toán cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2019 vào ngày 25/08/2020 với tỷ lệ 18% trên mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 1.800 đồng. Tổng số tiền chi trả cổ tức là 157,7 tỷ đồng.

- Lần 2: Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2020 vào ngày 21/12/2020 với tỷ lệ 18% trên mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 1.800 đồng. Tổng số tiền chi trả cổ tức là 157,3 tỷ đồng.

Trong năm 2021, Công ty mẹ đã chốt danh sách cổ đông để chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền như sau: Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2020 vào ngày 20/05/2021 với tỷ lệ 12% trên mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 1.200 đồng. Tổng số tiền chi trả cổ tức là 104,8 tỷ đồng.

3.2 Trích lập các quỹ

Căn cứ Nghị quyết số 04-2020/NQ-GAC đã được ĐHĐCD Công ty mẹ thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2020, Công ty mẹ đã trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: trích 03% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, tương đương 14.591.466.086 đồng.

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: trích 05% lợi nhuận sau thuế theo B được kiểm toán năm 2019, tương đương 24.319.110.144 đồng.

- Hoạt động thiện nguyện: trích 3.000.000.000 đồng cho hoạt động thiện nguyện.

4. Tình hình tăng/giảm vốn

Trong năm 2020, Công ty mẹ đã thực hiện phát hành thêm 1.718.761 cổ phần, tương ứng 17.187.610.000 đồng theo Phương án phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2019. Theo đó, Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ của Công ty từ 859.380.830.000 đồng lên 876.568.440.000 đồng. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 25/3/2020.

Trong năm 2020, Công ty mẹ đã thực hiện mua lại 293.000 cổ phần làm cổ phiếu quỹ. Trong đó,

(i) Công ty thu hồi 8.000 cổ phần là cổ phần phát hành theo chương trình ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phần do người lao động nghỉ việc trong thời hạn hạn chế chuyển nhượng và

(ii) Công ty mua lại 285.000 cổ phần đã phát hành với giá 70.000 đồng/cổ phần. Tổng số tiền chi trả cho việc mua cổ phiếu quỹ trong năm 2020 là 20.030.000.000 đồng.

5. Lĩnh vực tài chính

Trong năm 2020, hoạt động tài chính của Tập Đoàn chủ yếu là quản trị tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu tài chính của Tập Đoàn đạt 109,6 tỷ đồng, tăng 38,2% so với năm 2019 và đạt 133,8% kế hoạch năm 2020.

- Lợi nhuận tài chính của Tập Đoàn đạt 91 tỷ đồng, tăng 52,9% so với năm 2019 và đạt 153% kế hoạch năm 2020.

5.1 Hạn mức/vay các ngân hàng của Tập Đoàn tại thời điểm ngày 30/04/2021 như sau:

Tổng hạn mức khả dụng được ĐHĐCD phê duyệt tại các ngân hàng: 2.165,8 tỷ. Trong đó: Tổng hạn mức được dùng ở các ngân hàng: 1.724 tỷ. Đã dùng: 870 tỷ. Cụ thể:

• Hạn mức vay khả dụng: 1.075 tỷ. Đã dùng: 572 tỷ.

• Bảo lãnh/LC khả dụng: 649 tỷ. Đã dùng: 298 tỷ.

B- Tình hình đầu tư và Đầu tư vào Công ty con

1. Đầu tư vào Công ty con

Đến ngày 31/03/2021, An Cường sở hữu 100% vốn tại 02 công ty con là (i) Công ty TNHH Malloca Việt Nam với vốn Điều lệ thực góp là 120 tỷ đồng và (ii) Công ty TNHH Sản Xuất Gỗ An Cường với vốn Điều lệ thực góp là 796,6 tỷ đồng.

Đến ngày 31/03/2021, Công ty TNHH Malloca Việt Nam có 1 công ty con là Công ty TNHH AConcept Việt Nam với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Công ty TNHH Malloca Việt Nam sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH AConcept Việt Nam.

2. Tình hình giải ngân đầu tư theo ngân sách đã được ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua:

ĐVT: tỷ đồng

Hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Số tồn chưa thực hiện
Vốn đầu tư bổ sung và tái đầu tư các nhà máy.	40,0	21,4	18,6

D- Công tác nhân sự và tiền lương

1. Tình hình lao động năm 2020 của Tập đoàn

ĐVT: người

Kế hoạch số lượng lao động tại ngày 31/12/2020	Số lượng lao động thực tế tại ngày 31/12/2020	Tăng (giảm) so với kế hoạch	Ghi chú
3.259	3.034	(225)	

Trong năm 2020, Công ty đã dự báo đúng tình hình và chủ động đánh giá lại danh mục sản phẩm và khách hàng, sắp xếp lại nhân sự ở nhà máy và nhân sự dự án, chuẩn hóa quy trình sản xuất nhằm nâng cao năng suất sản xuất, tiết giảm chi phí và cải thiện biên lợi nhuận. Số lượng nhân sự toàn Tập Đoàn tại ngày 31/12/2020 là 3.034 nhân sự, giảm 608 nhân sự so với ngày 01/01/2020 và thấp hơn 225 nhân sự so với kế hoạch nhân sự đã được ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua. Trong năm 2020, các nhân sự cấp cao và quản lý cấp trung cũng đã tham gia một số khóa đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài về kỹ năng mềm và cập nhật kiến thức chuyên môn.

2. Thực hiện quỹ lương – quỹ thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát (BKS) năm 2020

2.1 Quỹ lương thưởng của Tập Đoàn trong năm 2020 như sau:

Tổng quỹ lương thưởng toàn Tập Đoàn: 535,6 tỷ đồng (giảm 18,9% so với 2019).

2.2 Quỹ thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát (BKS)

Trong năm 2020, HĐQT và BKS tự nguyện không lập ngân sách thù lao, không nhận thù lao và thưởng. Toàn bộ ngân sách và thưởng ưu tiên dành cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) của công ty nhằm ghi nhận đóng góp và gắn bó của CBCNV đối với sự phát triển của Công ty. Trưởng BKS làm việc chuyên trách và nhận lương theo quy chế lương của Công ty mẹ.

PHẦN II

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

A. Kế hoạch SXKD năm 2021

1. Kế hoạch SXKD năm 2021 của các Công ty trong Tập đoàn

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% tăng trưởng KH 2021 so với TH 2020
Doanh thu	3,753.6	4,872.2	29.8%
Lợi nhuận sau thuế	492.0	551.0	12.0%

2. Cổ tức và trích lập các quỹ

2.1 Cổ tức

Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021: dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức tối thiểu là 30% bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu. Nguồn chi trả cổ tức trích từ thặng dư vốn và/hoặc lợi nhuận chưa phân phối trên Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021.

2.2 Trích lập các quỹ

Trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ hoạt động thiện nguyện từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: trích 03% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020, tương đương 14.759.338.062 đồng.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: trích 05% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020, tương đương 24.598.896.770 đồng.
- Hoạt động thiện nguyện: trích 5.000.000.000 đồng cho hoạt động thiện nguyện.

3. Quỹ thù lao HĐQT và BKS:

- HĐQT và BKS tự nguyện không nhận thù lao năm 2021.

4. Hoạt động tài chính

- a) Tiếp tục thực hiện chiến lược tài chính như hiện nay nhằm tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn.
- b) Trong năm 2021, khi có các cơ hội đầu tư tốt và an toàn, Công ty tham gia đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm hoặc các sản phẩm tài chính khác nhằm gia tăng hiệu quả của nguồn vốn nhàn rỗi.
- c) Tìm kiếm cơ hội thực hiện M&A các doanh nghiệp cùng ngành hoặc có mối liên hệ với ngành để nhanh chóng mở rộng hoạt động, chiếm lĩnh thị trường và sử dụng hiệu quả nguồn vốn.
- d) Đối với hạn mức tín dụng: Tiếp tục duy trì hạn mức của Công ty mẹ và các công ty con tại các ngân hàng như hiện nay là 2.165,8 tỷ đồng và tăng thêm 100 tỷ hạn mức tại Ngân hàng Shinhan.

5. Kế hoạch nhân sự của toàn Tập Đoàn trong năm 2021

ĐVT: người

Số liệu lao động tại ngày 01/01/2021	Số liệu lao động tại ngày 31/12/2021	Tăng / (Giảm)	Ghi chú
3.034	3.200	166	

B. Kế hoạch đầu tư năm 2021

1. Các dự án và khoản mục đầu tư bằng vốn của Tập Đoàn:

ĐVT: tỷ đồng

Hạng mục đầu tư	Ngân sách năm 2021
Vốn đầu tư bổ sung và tái đầu tư các nhà máy	40,0

2. Các dự án đầu tư bằng vốn của Công ty con: Không có.

C. Phương án kinh doanh năm 2021

1. Phương án kinh doanh năm 2021

1.1 Mục tiêu

- Tiếp tục chiếm lĩnh thị phần nội địa trong lĩnh vực gỗ và vật liệu gỗ ở phân khúc cao và trung cao cấp.
- Tập trung nguồn lực tài chính, nhân lực để phát triển ngành kinh doanh chính.
- Hoàn tất việc chuyển đổi số trong năm 2021 và 2022. Tăng cường quản lý bằng hệ thống và công nghệ; tối ưu hóa việc sử dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện có và bổ sung các ứng dụng mới vào thời điểm thích hợp nhằm cắt giảm các khoản chi phí trung gian và hao phí không cần thiết.
- Uy tín, chất lượng sản phẩm và dịch vụ là vấn đề sống còn của Tập đoàn. Các vấn đề này thể hiện qua việc đảm bảo về quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm, tiến độ công việc và các chính sách bảo hành, chăm sóc khách hàng...
- Đẩy mạnh công tác R&D.

1.2 Biện pháp cụ thể

Lĩnh vực sản xuất và thương mại

Năm 2021, thế giới đứng trước thách thức lớn về dịch bệnh và suy thoái kinh tế. Hệ quả đi kèm là tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, thu nhập khả dụng của đa số dân cư giảm sút có ảnh hưởng lớn đến sức mua của khách hàng xuất khẩu và khách hàng trong nước. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản trong nước vẫn chưa có tín hiệu khả quan. Tiến độ triển khai xây dựng và/hoặc chào bán của nhiều dự án lớn tiếp tục bị tạm dừng, hoãn liên quan đến các vấn đề pháp lý dự án và yêu cầu về giãn cách xã hội nhằm phòng chống dịch bệnh. Công ty đổi mới với nhiều thách thức đòi hỏi tính sáng tạo, cẩn trọng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của mình. Theo đó:

Công ty mẹ và Nhà Máy Đất Cuốc

- Chú trọng công tác điều hành sản xuất ở các nhà máy, đảm bảo đẩy mạnh được công suất sản xuất và vận hành nhà máy một cách có hiệu quả.

- Đẩy mạnh hoạt động R&D, giới thiệu đến khách hàng các bộ sưu tập và sản phẩm mới.
- Tận dụng lợi thế về đầu tư công nghệ và chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách ưu đãi thuế của địa phương nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho Công ty và xã hội.
- Tập trung vào các sản phẩm có biên lợi nhuận tốt và phân khúc khách hàng hiện nay. Tìm kiếm và hợp tác chặt chẽ với chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị thiết kế và thi công các công trình lớn ở phân khúc truyền thống. Bên cạnh đó, Công ty kết hợp với khách hàng lớn triển khai các dự án nhắm vào phân khúc trung cấp.
- Đẩy mạnh sản phẩm Cabinet Pro thông qua kênh chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị thi công thiết kế và đại lý.
 - Mở rộng kênh bán hàng hiện tại, mở thêm showroom ở những địa điểm phù hợp và kết hợp với các chủ đầu tư để làm nhà mẫu ở ngay dự án,
 - Mở rộng thị trường xuất khẩu trên cơ sở lựa chọn thị trường và khách hàng tốt.
 - Xây dựng và áp dụng chiến lược và chính sách bán hàng hợp lý.
 - Chủ động nâng cao năng lực quản trị chiến lược, quản trị tài chính và kiểm soát rủi ro trên phạm vi Tập đoàn và ở Công ty con. Tối ưu hóa dòng tiền và việc sử dụng nguồn vốn ở phạm vi Tập Đoàn. Tìm kiếm các nguồn vốn, nắm bắt cơ hội đầu tư vừa an toàn vừa tăng hiệu quả sử dụng vốn.
 - Tăng mức độ ủy thác trong công việc và nâng cao trách nhiệm của các cấp quản lý trong công tác quản trị. Tổ chức và khuyến khích các cấp quản lý tham gia các khóa đào tạo bên ngoài và đào tạo nội bộ về kỹ năng quản trị, kỹ năng lãnh đạo, ủy thác công việc và các kỹ năng hỗ trợ khác.
 - Nâng cao năng suất lao động, tăng cường sự gắn bó của người lao động thông qua chính sách lương thưởng và phúc lợi hợp lý.
 - Tiếp tục thực hiện và hoàn tất việc số hóa cho toàn Tập Đoàn.

Công ty con

- Đẩy mạnh bán hàng thông qua kênh dự án của Công ty mẹ, kênh đại lý và nhà phân phối nhằm tăng sản lượng và doanh số bán hàng, đồng thời tiết kiệm chi phí đầu tư cố định. Nhanh chóng mở rộng thị phần và tăng độ nhận diện thương hiệu.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm và bán kèm các sản phẩm mới có liên quan.
- Phối hợp với các công ty trong Tập Đoàn để cộng hưởng và được hỗ trợ từ khâu quản trị cho đến hệ thống phân phối, cơ sở khách hàng, hoạt động R&D, marketing và bán hàng.
- Phân quyền và tạo cơ chế chủ động cho lãnh đạo các công ty con trong việc điều hành công việc hàng ngày. Tăng cường cơ chế giám sát và kiểm soát định kỳ cũng như bất thường nhằm phòng ngừa và xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
N: 370074813

UYÊN-T. BÌNH
LÊ ĐỨC NGHĨA

III. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ ĐÔng Công ty Cổ phần Gỗ An Cường.

- Căn cứ Luật Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Gỗ An Cường,
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 04-2020/NQ-GAC đã được ĐHĐCĐ Công ty mẹ thông qua ngày 03/06/2020.
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 12-2020/NQ-GAC đã được ĐHĐCĐ Công ty mẹ thông qua ngày 12/11/2020.
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty cổ phần gỗ An Cường trong năm tài chính 2020.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường trong năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- BKS đã lập kế hoạch kiểm soát định kỳ hàng năm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và đánh giá kết quả hoạt động .
- Tham dự một số phiên họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT), tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.
- Thực hiện việc giám sát đối với HĐQT, Ban Điều Hành (BĐH) trong việc quản lý, điều hành Công ty đúng với các quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội cổ đông thông qua. Làm việc trực tiếp với BĐH và quản lý các cấp để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát thông qua kênh thảo luận và làm việc với Kiểm toán độc lập. Thẩm định Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực hợp lý của số liệu tài chính.
- Xem xét việc tuân thủ, chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn trong kinh doanh, phân tích các kế hoạch và các rủi ro tiềm ẩn trong môi trường kinh doanh.

II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BĐH

1. Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020:

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh chính và truyền thống là sản xuất và kinh doanh gỗ công nghiệp, đồ nội thất và phụ kiện ngành nội thất.

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh chính và truyền thống là sản xuất và kinh doanh gỗ công nghiệp, đồ nội thất và phụ kiện ngành nội thất.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và của từng công ty con đều được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Tất cả các Báo cáo nói trên đều được PwC cho ý kiến chấp nhận toàn phần.

1.1 Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường (“Tập Đoàn”):

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước	
				2019 so với 2018	2020 so với 2019
Tổng tài sản	3.568,8	4.179,5	4.453,1	17.1%	6.5%
Vốn chủ sở hữu	2.549,9	3.370,7	3.516,7	32.2%	4.3%
Doanh thu thuần	3.873,0	4.434,5	3.753,6	14.5%	-15.4%
Lợi nhuận từ HĐKD	648,6	549,5	559,0	-15.3%	1.7%
Lợi nhuận trước thuế	654,0	554,5	561,7	-15.2%	1.3%
Lợi nhuận sau thuế	505,2	486,4	492,0	-3.7%	1.2%

Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất, tính chung cả năm 2020, Doanh thu hợp nhất của Tập Đoàn đạt 3.753,6 tỷ đồng (giảm 15,4% so với năm 2019 và đạt 87% kế hoạch năm 2020). Nhờ vào việc chủ động cắt giảm chi phí và tập trung vào các đơn hàng có biên lợi nhuận tốt, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập Đoàn đạt 492 tỷ đồng (tăng 1,2% so với năm 2019 và đạt 129,3% kế hoạch năm cả năm 2020). Sự chậm lại của thị trường bất động sản nói chung (đặc biệt là phân khúc căn hộ) và dịch bệnh virus Corona xảy ra và diễn biến phức tạp là nguyên nhân ảnh hưởng bất lợi đến công tác bán hàng của Tập Đoàn.

1.2 Kết quả thực hiện SXKD năm 2020 của các Công ty thuộc Tập Đoàn

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% So kế hoạch 2020	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (2019)
Doanh thu	4.312,3	3.753,6	87,0%	-15,4%
Lợi nhuận sau thuế	380,4	492,0	129,3%	1,2%

Đối với kết quả của từng công ty riêng lẻ trong Tập Đoàn, trong năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh và diễn biến bất lợi của thị trường bất động sản nói chung, các công ty thành viên trong Tập Đoàn đều không đạt được kế hoạch doanh thu đề ra. Điểm sáng là các công ty thành viên (trừ AConcept) đều vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra. Theo đó, doanh thu hợp nhất đạt 87% kế hoạch doanh thu cả năm và lợi nhuận hợp nhất đạt 129,3% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

1.3 Lĩnh vực tài chính

Trong năm 2020, hoạt động tài chính của Tập Đoàn chủ yếu là quản trị tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn ngân hàng. Tập Đoàn tiếp tục thực hiện chiến lược vừa gửi tiết kiệm có thời hạn dài với lãi suất tốt vừa vay vốn lưu động với thời hạn ngắn với lãi suất thấp hơn nhằm tận dụng chênh lệch lãi suất do chênh lệch kỳ hạn.

- Doanh thu tài chính của Tập Đoàn đạt 109,6 tỷ đồng, tăng 38,2% so với năm 2019 và đạt 133,8% kế hoạch năm 2020.

- Lợi nhuận tài chính của Tập Đoàn đạt 91 tỷ đồng, tăng 52,9% so với năm 2019 và đạt 153% kế hoạch năm 2020.

1.4 Tình hình giải ngân đầu tư theo ngân sách đã được ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Số tồn chưa thực hiện
1.	Vốn đầu tư bổ sung và tái đầu tư các nhà máy.	40,0	21,4	18,6
	Tổng cộng	40,0	21,4	18,6

1.5 Cổ tức

Trong năm 2020, Công ty mẹ đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền 2 lần như sau:

- Lần 1: Thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2019 vào ngày 25/08/2020 với tỷ lệ 18% bằng tiền. Tổng số tiền chi trả cổ tức là 157,7 tỷ đồng.
- Lần 2: Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2020 vào ngày 21/12/2020 với tỷ lệ 18%. Tổng số tiền chi trả cổ tức là 157,3 tỷ đồng.

Tổng số tiền thực chi để trả cổ tức phát sinh trong năm 2020 là 315 tỷ đồng.

1.6 Trích lập các quỹ

Theo tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 04-2020/NQ-GAC đã được ĐHĐCĐ Công ty mẹ thông qua ngày 03/06/2020, trong năm 2020 Công ty mẹ đã thực hiện trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: trích 03% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, tương đương 14.591.466.086 đồng.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: trích 05% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, tương đương 24.319.110.144 đồng.
- Hoạt động thiện nguyện: trích 3.000.000.000 đồng cho hoạt động thiện nguyện.

1.7 Tình hình tăng/giảm vốn

Trong năm 2020, Công ty mẹ đã thực hiện phát hành thêm 1.718.761 cổ phần, tương ứng 17.187.610.000 đồng theo Phương án phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2019. Theo đó, Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ của Công ty từ 859.380.830.000 (Tám trăm năm mươi chín tỷ, ba trăm tám mươi triệu, tám trăm ba mươi nghìn) đồng lên 876.568.440.000 (Tám trăm bảy mươi sáu tỷ, năm trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 25/3/2020.

Trong năm 2020, Công ty mẹ đã thực hiện mua lại 299.500 cổ phần làm cổ phiếu quỹ với tổng số tiền chi trả cho việc mua cổ phiếu quỹ là 20.095.000.000 đồng. Trong đó, 14.500 cổ phần là cổ phần thu hồi từ chương trình ESOP do người lao động nghỉ việc với giá 10.000 đồng/cổ phần và 285.000 cổ phần là mua lại cổ phiếu đã phát hành với giá 70.000 đồng/cổ phần.

1.8 Công tác nhân sự

Kế hoạch nhân sự cuối năm 2020 là 3.259 nhân sự, số lượng nhân sự thực tế là 3.034 thấp hơn 225 nhân sự. So với ngày 1/1/2020, số lượng nhân sự vào ngày 31/12/2020 giảm 608 nhân sự. Điều này thể hiện tính chủ động của Tập Đoàn trong việc kiểm soát chi phí nhân công và tăng hiệu quả/năng suất lao động trong cả năm 2020.

1.9 Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành

Công ty đã áp dụng thành công và tiếp tục tối ưu hóa phần mềm SAP-ERP, hoàn tất triển khai phần mềm PMS về quản lý dự án, CRM phục vụ cho hoạt động bán hàng, phần mềm quản lý nhân sự (HRIS) và các ứng dụng khác hỗ trợ trong công việc hàng ngày và công tác bán hàng như quét barcode/mã vạch cho hàng hóa, thành phẩm, bán thành phẩm từng công đoạn và chứng từ giao nhận; sử dụng App bán hàng trên thiết bị di động; Web PO đặt hàng và theo dõi hàng online... Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành đã đem lại nhiều lợi ích trong công tác quản lý và kiểm soát, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, nâng cao được hiệu suất công việc...

2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và BĐH

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BĐH trong cả năm 2020, BKS nhận thấy các hoạt động của HĐQT, BĐH và Công ty đều tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

HĐQT thường xuyên giám sát BĐH thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2020, giám sát công tác hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, giám sát công tác quản lý, tái cơ cấu tổ chức/sắp xếp lại hoạt động để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty và các công ty con được an toàn, tuân thủ đúng các qui định của pháp luật, theo đúng định hướng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong chỉ đạo sản xuất, đầu tư xây dựng trên tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông. Ban điều hành thường xuyên tổ chức các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến (“conference call”, căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT để triển khai nhiệm vụ, đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

III/ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BĐH, CỔ ĐÔNG

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, BĐH của Công ty được thực hiện chặt chẽ trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau và bám sát các Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- BKS luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên BĐH các cán bộ quản lý liên quan trong phạm vi thực hiện chức năng giám sát của mình.
- BĐH luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của BKS.
- BKS được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, BĐH.
- Trong công tác quản lý, các quy trình, quy chế thường xuyên được rà soát, điều chỉnh. Công tác phát triển nguồn nhân lực được thực hiện tốt góp phần giảm thiểu rủi ro hoạt động và nâng cao năng suất lao động.

IV/ KẾT LUẬN

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2020 cho thấy sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và đạt hiệu quả cao. HĐQT có tầm nhìn, đề ra chiến lược linh động, sáng tạo và quyết liệt chỉ đạo BĐH và toàn thể CBCNV trong Công ty nỗ lực không ngừng đưa vượt qua khó khăn chung hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Trân trọng kính trình.

T/M BAN KIỂM SOÁT

TRẦN THỊ NGỌC TUỆ

IV. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong quá trình phát triển của Công ty, trách nhiệm về môi trường và xã hội đi liền với các hành động cụ thể thể hiện rõ nét tinh thần này luôn được đề cao và triển khai ở từng đơn vị thuộc Tập Đoàn An Cường. Tinh thần này được truyền lửa và lan tỏa đến tất cả CBCNV của Tập Đoàn với sự đóng góp cả về vật chất, nhân lực và tinh thần từ đó nhiều hoạt động xã hội thường xuyên được tổ chức để giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trên cả nước.

6.1 Về môi trường.

Công ty luôn chú trọng vấn đề môi trường, luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về môi trường. Hàng năm, Công ty đều thực hiện cập nhật Báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi đến cơ quan quản lý và các cổ đông. Ngoài ra, An Cường là công ty duy nhất trong ngành gỗ Việt Nam đạt được chứng nhận Green Label do Singapore cấp – đây là giấy chứng nhận danh giá nhất tại khu vực về sản phẩm xanh, sạch, thân thiện và bảo vệ môi trường.

6.2 Về hoạt động xã hội.

Công ty sẻ chia giá trị với cộng đồng, thường xuyên tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, các chiến dịch vì cộng đồng ở địa phương và nhiều nơi trên khắp cả nước, chủ động đóng góp vào ngân sách nhà nước, đồng hành cùng Chính phủ trong sự Phát triển bền vững của Việt Nam.

Bên cạnh đó, thành lập từ năm 2016, trong 4 năm qua, Quỹ “NỤ CƯỜI HI VỌNG” đã giải ngân hơn 10 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội và giúp đỡ cho các CBCNV An Cường có hoàn cảnh khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, người già neo đơn...

Một số hoạt động tài trợ nổi bật bao gồm:

- Chung tay chống covid-19:
 - + Kết hợp cùng Hội doanh nhân trẻ Việt Nam và các công ty thành viên đóng góp 5 tỷ đồng tương đương 10.000 bộ kit phát hiện virut corona.
 - + Tài trợ 500 triệu đồng cho Bệnh viện Nhiệt đới chung tay chống dịch.
 - + Hỗ trợ hơn 30 triệu đồng cho bà con nghèo Quận 8 và trao 850 phần quà cho bà con nghèo Quận Thủ Đức bị ảnh hưởng do bệnh dịch.
 - + Lắp máy ATM gạo tại trung tâm văn hóa quận 8 và huyện Bình Chánh
- Chương trình “TRAO YÊU THƯƠNG – CÙNG EM ĐẾN TRƯỜNG” lần 1, tặng quà cho trẻ em nghèo tại trường Lũng Gà, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.
- Chương trình “TRAO YÊU THƯƠNG – CÙNG EM ĐẾN TRƯỜNG” lần 2, xây dựng trường mẫu giáo tại Thượng An, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với tổng ngân sách 500 triệu đồng.
- Tài trợ thường niên cho Chương trình “THƯ VIỆN 2030: THẮP SÁNG ƯỚC MƠ” do CLB Doanh nhân 2030 tổ chức nhằm mang đến ánh sáng tri thức cho học sinh nghèo trên khắp cả nước.
- Cùng Câu lạc bộ Doanh nhân trẻ Tp. HCM (YBA-HCM) chia sẻ và hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ăn Tết.
- Đóng góp hỗ trợ quỹ “HIỂU VỀ TRÁI TIM”.
- Tài trợ Chương trình thiện nguyện “NHỮNG TRÁI TIM KHÔNG KHUYẾT TẬT”.
- Xây dựng 2 chùa lớn tại Quảng Ngãi và Long An.
- Đóng góp 50 triệu đồng lắp đặt và sửa chữa máy lọc nước cho bà con Huyện Ba Tri – Bến Tre chung tay cùng đồng bào vượt qua hạn mặn.
- Giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn (em Thu Vân - ở Vĩnh Long và em Chí Tâm - ở Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, em Việt Tuấn - ở Thanh Hoá, em Trung Hiếu - ở Tây Ninh).



V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020

NỘI DUNG

Thông tin về doanh nghiệp	78
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	79
Báo cáo kiểm toán độc lập	80
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	82
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	84
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	85
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	86

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận

Số 3700748131 ngày 20 tháng 9 năm 2006.

Đăng ký Doanh nghiệp

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên số 3700748131 ngày 20 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp mới nhất số 3700748131 ngày 28 tháng 12 năm 2020.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Masao Kamibayashiyama	Thành viên
Ông Jess Rueloekke	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12.11.2020)
Ông Trần Lương Thanh Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12.11.2020)
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên (từ nhiệm ngày 12.11.2020)
Ông Lê Thanh Phong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 3.6.2020)
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 3.6.2020)
Bà Trần Thị Mộng Thu	Thành viên (từ nhiệm ngày 3.6.2020)
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập (từ nhiệm ngày 3.6.2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Duyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc
Bà Thiều Thị Ngọc Diễm	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ngọc Tuệ	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Anh	Thành viên
Bà Mai Thị Phương Thảo	Thành viên

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Đức Nghĩa Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 5, Đường ĐT 747B
Khu phố Phước Hải, Phường Thái Hòa,
Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Thư Ủy quyền ngày 31 tháng 12 năm 2020.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Trần Lương Thanh Tùng
Thành viên Hội đồng Quản trị**

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 9 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0875-2018-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10154

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Vũ Anh Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3631-2021-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.588.399.748.702	3.105.046.589.189
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	53.239.217.833	65.461.661.002
111	Tiền		53.239.217.833	54.061.661.002
112	Các khoản tương đương tiền			11.400.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.680.045.044.955	961.245.044.955
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	1.680.045.044.955	961.245.044.955
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		689.453.876.852	687.239.888.913
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	607.079.449.113	613.349.471.702
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	32.794.536.220	35.152.427.479
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	60.123.992.957	47.130.636.434
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(10.661.866.893)	(10.738.472.958)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		117.765.455	2.345.826.256
140	Hàng tồn kho	9	1.132.964.681.719	1.319.951.979.677
141	Hàng tồn kho		1.151.953.993.414	1.333.953.241.919
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.989.311.695)	(14.001.262.242)
150	Tài sản ngắn hạn khác		32.696.927.343	71.148.014.642
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	23.747.113.791	26.980.575.520
152	Thuế Giá trị Gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ		7.965.797.220	38.021.291.916
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(a)	984.016.332	6.146.147.206
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		864.717.863.998	1.074.399.678.909
210	Khoản phải thu dài hạn		5.728.730.600	2.157.927.000
216	Phải thu dài hạn khác		5.728.730.600	2.157.927.000
220	Tài sản cố định		635.138.407.774	727.923.936.361
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	615.103.068.586	707.928.769.570
222	Nguyên giá		1.009.655.377.117	992.164.123.312
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(394.552.308.531)	(284.235.353.742)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	20.035.339.188	19.995.166.791
228	Nguyên giá		31.684.967.346	28.070.583.941
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.649.628.158)	(8.075.417.150)
240	Tài sản dở dang dài hạn		2.660.445.161	1.284.804.836
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.660.445.161	1.284.804.836
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	83.000.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	-	83.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		221.190.280.463	260.033.010.712
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	212.227.664.545	253.407.953.245
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20	8.962.615.918	6.625.057.467
270	TỔNG TÀI SẢN		4.453.117.612.700	4.179.446.268.098

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		936.426.104.376	808.737.916.632
310	Nợ ngắn hạn		929.831.152.397	806.390.976.632
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	245.477.558.884	254.254.945.820
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	232.947.885.577	173.032.530.318
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(b)	44.095.993.433	42.428.084.222
314	Phải trả người lao động	16	72.324.084.358	79.913.812.627
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	24.256.358.433	32.978.212.314
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.18	1.130.344.632	-
319	Phải trả ngắn hạn khác		1.524.645.739	1.357.671.310
320	Vay ngắn hạn	18	307.899.246.071	221.431.332.215
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		175.035.270	994.387.806
330	Nợ dài hạn		6.594.951.979	2.346.940.000
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2.18	4.144.596.979	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn	19	2.450.355.000	2.346.940.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.516.691.508.324	3.370.708.351.466
410	Vốn chủ sở hữu		3.516.691.508.324	3.370.708.351.466
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	876.568.440.000	859.380.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		876.568.440.000	859.380.830.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	1.408.471.865.056	1.408.471.865.056
415	Cổ phiếu quỹ	22	(20.046.000.000)	(16.000.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	36.590.318.871	22.829.452.785
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	1.215.106.884.397	1.080.042.203.625
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		880.369.288.195	748.345.670.136
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		334.737.596.202	331.696.533.489
440	TỔNG NGUỒN VỐN		4.453.117.612.700	4.179.446.268.098

Nguyễn Tân Trọng
Người lập

Thiều Thị Ngọc Diễm
Kế toán trưởng

N.3700748131-C

AN UYÊN - T. BÌNH DƯ
Trần Lương Thanh Tùng

Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01		3.781.468.964.050	4.457.609.188.854
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(27.863.918.614)	(23.039.436.446)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	3.753.605.045.436
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(2.735.642.853.637)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.017.962.191.799
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28	109.690.865.720
22	Chi phí tài chính		(18.526.863.293)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(12.839.105.796)
25	Chi phí bán hàng	29	(442.795.174.301)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(107.320.377.926)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		559.010.641.999
31	Thu nhập khác		9.547.504.870
32	Chi phí khác		(6.878.665.829)
40	Lợi nhuận khác		2.668.839.041
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		561.679.481.040
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	31	(72.039.104.089)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31	2.337.558.451
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		491.977.935.402
61	Phân bổ cho: Lợi nhuận sau thuế của Công ty		491.977.935.402
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24(a)	5.633
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24(b)	5.633

N.3700748131.C

UYÊN TÙNG

Nguyễn Tấn Trọng
Người lập

Thiều Thị Ngọc Diễm
Kế toán trưởng

Trần Lương Thanh Tùng
Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG			
KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	561.679.481.040	554.472.064.073
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	114.379.203.711	108.856.569.672
03	Các khoản dự phòng	5.014.858.388	22.220.936.921
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	524.272.349	(455.784.356)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(97.436.509.577)	(66.262.750.671)
06	Chi phí lãi vay	12.839.105.796	16.821.133.204
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	597.000.411.707	635.652.168.843
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	50.359.338.089	(72.373.763.194)
10	Giảm hàng tồn kho	181.999.248.505	54.703.532.140
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	25.744.381.994	(79.380.887.211)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	44.413.750.429	(9.096.677.484)
14	Tiền lãi vay đã trả	(12.839.105.796)	(16.821.133.204)
15	Thuế TNDN đã nộp	(55.848.532.895)	(92.161.661.998)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(28.969.062.680)	(36.918.199.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	801.860.429.353	383.603.378.892
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(23.169.159.495)	(91.848.792.307)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	37.272.727	3.127.248.413
23	Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(961.000.000.000)	(2.157.745.044.955)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	325.200.000.000	1.593.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	75.788.620.996	46.365.014.349
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(583.143.265.772)	(607.101.574.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	17.187.610.000	638.683.278.456
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	(20.030.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	1.259.088.063.936	936.722.867.921
34	Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	(1.172.129.254.438)	(1.043.746.208.537)
36	Tiền chi trả cổ tức	(315.002.678.400)	(274.996.745.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(230.886.258.902)	256.663.192.240
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(12.169.095.321)	33.164.996.632
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3	65.461.661.002
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(53.347.848)	(34.424.203)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	53.239.217.833
			65.461.661.002

Nguyễn Tấn Trọng
Người lập

Thiều Thị Ngọc Diễm
Kế toán trưởng

Trần Lương Thanh Tùng
Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

1/ ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Gỗ An Cường (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên số 3700748131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được điều chỉnh lần gần nhất ngày 28 tháng 12 năm 2020.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm Công ty TNHH Đầu Tư NC Việt Nam, Whitlam Holding Pte. Ltd., Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd. và các cá nhân, tổ chức khác. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 21.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và buôn bán hàng gỗ gia dụng, gỗ công nghiệp, ván công nghiệp, hàng trang trí nội thất, thiết bị nhà bếp và các sản phẩm khác từ gỗ.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp, chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động kinh doanh chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2020		31.12.2019	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)
Công ty TNHH Malloca Việt Nam	Kinh doanh các thiết bị nhà bếp của hãng Malloca	TP. Hồ Chí Minh	100	100	100	100
Công ty TNHH Sản xuất Gỗ An Cường	Sản xuất và buôn bán các sản phẩm từ gỗ	Tỉnh Bình Dương	100	100	100	100
Công ty TNHH AConcept Việt Nam	Kinh doanh đồ dùng, sản phẩm nội thất	TP. Hồ Chí Minh	100	100	100	100

(*) Công ty con gián tiếp, là công ty con của Công ty TNHH Malloca Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 3.033 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.642 nhân viên).

2/ CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1/ Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2/ Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3/ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tập đoàn còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4/ Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2/ CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5/ Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính riêng của các công ty con trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

2.6/ Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7/ Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.8/ Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9/ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10/ Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phuor gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ

1 dàn nguyên giá tài sản trong suốt thời ủa các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3% - 25%
Máy móc, thiết bị	8% - 50%
Phương tiện vận tải	8% - 33%
Thiết bị quản lý	13% - 33%
TSCĐ hữu hình khác	6% - 50%
Quyền sử dụng đất	3%
Phần mềm	13% - 50%

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ ngày nhận quyền sử dụng đất hoặc ngày nhận chuyển nhượng đến ngày hết hạn được quy định trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11/ Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12/ Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là tiền thuê đất dài hạn, thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ được đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ngoài ra, tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 cũng được ghi nhận là chi phí trả trước theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.13/ Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.14/ Vay

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15/ Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.16/ Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17/ Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bằng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18/ Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản doanh thu chưa thực hiện này là các khoản doanh thu nhận trước từ việc cho thuê mái nhà của nhà máy Công ty con để đầu tư lắp đặt và vận hành các tấm pin năng lượng mặt trời, hệ thống hỗ trợ và kinh doanh dự án điện mặt trời mái nhà với thời gian thuê là 20 năm kể từ tháng 9 năm 2020. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong 5 năm đầu tiên của hợp đồng thuê. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.19/ Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của các chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các Cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.20/Phân chia lợi nhuận thuần

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức phải trả được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông và Công ty chốt được danh sách các cổ đông nhận cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty.

LNST có thể được chia cho các Cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn và đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ LNST và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

2.21/ Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với “bản chất hơn hình thức” và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái; và chiết khấu thanh toán.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí chào hàng; giới thiệu sản phẩm; quảng cáo sản phẩm; hoa hồng bán hàng; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa; chi phí bảo quản, đóng gói; và chi phí vận chuyển.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mẹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty mẹ, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

2.30 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 11);
- Các khoản dự phòng (Thuyết minh 8, 9, 19); và
- Chi phí phải trả (Thuyết minh 17).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị đánh giá là hợp lý.

3/ TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2020 VND	2019 VND
Tiền mặt	654.260.729	705.876.302
Tiền gửi ngân hàng	52.574.595.104	53.349.111.700
Tiền đang chuyển	10.362.000	6.673.000
Các khoản tương đương tiền (*)	-	11.400.000.000
	<hr/> 53.239.217.833	<hr/> 65.461.661.002

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng, hưởng lãi suất bình quân 0,5% đến 5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có các khoản tương đương tiền.

4/ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Giá gốc VND	ghi sổ VND	Giá gốc VND	ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.680.045.044.955	1.680.045.044.955	961.245.044.955	961.245.044.955
ii. Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	83.000.000.000	83.000.000.000

(i) Ngắn hạn

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu trên ba tháng nhưng dưới một năm và hưởng lãi suất từ 5% - 8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7,4% - 8,5%/năm).

(ii) Dài hạn

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo và hưởng lãi suất 7,4%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn.

5/ PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	598.983.226.808	606.130.783.060
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	8.096.222.305	7.218.688.642
	607.079.449.113	613.349.471.702

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 17.796.269.711 Đồng và 21.425.821.370 Đồng như trình bày tại Thuyết minh 8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

6/ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	<u>32.794.536.220</u>	<u>35.152.427.479</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có người bán bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn.

7/ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Ký quỹ, ký cược	6.194.564.385	10.970.440.563
Lãi tiền gửi	53.241.618.056	31.552.585.571
Tạm ứng cho nhân viên	439.540.246	1.156.576.615
Khác	248.270.270	3.451.033.685
	<u>60.123.992.957</u>	<u>47.130.636.434</u>

7/ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Ký quỹ, ký cược	6.194.564.385	10.970.440.563
Lãi tiền gửi	53.241.618.056	31.552.585.571
Tạm ứng cho nhân viên	439.540.246	1.156.576.615
Khác	248.270.270	3.451.033.685
	<u>60.123.992.957</u>	<u>47.130.636.434</u>

8/ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐỜI

2020

	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Gia Hưng	5.362.064.567	2.708.234.393	2.653.830.174	Trên 1 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long Phát	2.129.404.220	638.821.266	1.490.582.954	Trên 1 năm
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	1.661.386.057	618.415.817	1.042.970.240	Trên 2 năm
Khác	8.643.414.867	3.168.931.342	5.474.483.525	Trên 6 tháng
	<u>17.796.269.711</u>	<u>7.134.402.818</u>	<u>10.661.866.893</u>	

2019

	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Nhà máy Sửa chữa và Đóng tàu Sài Gòn	2.144.622.095	5.874.660	2.138.747.435	Trên 3 năm
Hickory Group Pty Ltd.	2.639.637.591	791.891.277	1.847.746.314	Trên 2 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Gia Hưng	7.200.866.896	5.534.867.991	1.665.998.905	Trên 6 tháng
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	2.251.016.309	1.125.508.154	1.125.508.155	Trên 1 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long Phát	2.129.404.220	1.064.702.110	1.064.702.110	Trên 1 năm
Khác	5.060.274.259	2.164.504.220	2.895.770.039	Trên 6 tháng
	<u>21.425.821.370</u>	<u>10.687.348.412</u>	<u>10.738.472.958</u>	

9/ HÀNG TỒN KHO

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	50.536.645.615	-	50.762.029.157	-
Nguyên vật liệu	500.751.379.034	(6.974.081.401)	564.291.742.718	(4.315.851.625)
Chi phí SXKD dở dang	216.922.334.759	(5.525.851.024)	325.733.406.850	(6.469.857.987)
Thành phẩm	199.291.673.583	(4.937.545.427)	202.806.315.414	(2.364.132.196)
Hàng hóa	184.451.960.423	(1.551.833.843)	190.359.747.780	(851.420.434)
	1.151.953.993.414	(18.989.311.695)	1.333.953.241.919	(14.001.262.242)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	14.001.262.242	1.854.615.268
Tăng dự phòng (Thuyết minh 27)	4.988.049.453	12.146.646.974
Số dư cuối năm	18.989.311.695	14.001.262.242

10/ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Chi phí bảo hiểm	1.293.796.844	3.094.452.751
Công cụ, dụng cụ	8.207.112.029	11.673.392.477
Chi phí thuê	957.502.730	1.127.940.300
Chi phí quảng cáo	2.405.203.675	1.226.080.750
Chi phí trưng bày, hàng mẫu	3.832.770.290	4.443.765.734
Khác	7.050.728.223	5.414.943.508
	23.747.113.791	26.980.575.520

b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Tiền thuê đất (*)	171.341.842.639	176.064.637.171
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà xưởng	15.520.822.379	29.472.821.234
Công cụ, dụng cụ	18.361.008.555	35.825.376.513
Chi phí thuê	2.094.153.325	2.140.263.123
Khác	4.909.837.647	9.904.855.204
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	212.227.664.545	253.407.953.245
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Quyền sử dụng đất của thửa đất 681, thửa đất 750, thửa đất 441 và thửa đất 820 tọa lạc tại Tỉnh Bình Dương đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh 18).

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	253.407.953.245	235.291.687.635
Tăng	12.794.013.440	90.309.006.250
Phân bổ	(53.974.302.140)	(72.192.740.640)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Số dư cuối năm	212.227.664.545	253.407.953.245
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

11/ TSCĐ

a) TSCĐ Hữu Hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	338.141.019.857	505.504.986.532	109.249.547.988	13.797.407.723	25.471.161.212	992.164.123.312
Mua trong năm Thanh lý, nhượng bán	2.398.682.000	7.487.676.449	8.171.349.901	-	-	18.057.708.350
	-	(340.000.000)	(226.454.545)	-	-	(566.454.545)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	340.539.701.857	512.652.662.981	117.194.443.344	13.797.407.723	25.471.161.212	1.009.655.377.117
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	77.669.201.779	140.499.113.601	40.811.953.109	6.506.673.082	18.748.412.171	284.235.353.742
Khấu hao trong năm Thanh lý, nhượng bán	33.184.696.178	59.361.211.529	13.533.954.867	2.839.468.039	1.885.662.090	110.804.992.703
	-	(293.411.684)	(194.626.230)	-	-	(488.037.914)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	110.853.897.957	199.566.913.446	54.151.281.746	9.346.141.121	20.634.074.261	394.552.308.531
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	260.471.818.078	365.005.872.931	68.437.594.879	7.290.734.641	6.722.749.041	707.928.769.570
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	229.685.803.900	313.085.749.535	63.043.161.598	4.451.266.602	4.837.086.951	615.103.068.586

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 31,2 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 17,6 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 TSCĐ hữu hình với tổng giá trị còn lại là 182 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 268 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

a) TSCĐ Vô Hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	8.090.909.091	19.979.674.850	28.070.583.941
Mua trong năm	-	3.614.383.405	3.614.383.405
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	8.090.909.091	23.594.058.255	31.684.967.346
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.178.001.631	6.897.415.519	8.075.417.150
Khấu hao trong năm	221.804.517	3.352.406.491	3.574.211.008
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.399.806.148	10.249.822.010	11.649.628.158
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	6.912.907.460	13.082.259.331	19.995.166.791
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6.691.102.943	13.344.236.245	20.035.339.188
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 299 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 299 triệu Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 TSCĐ vô hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 6,7 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

12/ CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2020 VND	2019 VND
Sửa chữa văn phòng	508.363.719	828.306.006
Mua sắm máy móc, thiết bị	2.152.081.442	456.498.830
	<hr/>	<hr/>
	2.660.445.161	1.284.804.836
	<hr/>	<hr/>

13/ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Vina Eco Board	32.536.089.429	32.944.922.661
Khác	212.941.469.455	221.310.023.159
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	245.477.558.884	254.254.945.820
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

14/ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	232.947.885.577	173.032.530.318
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn

15/ THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
a) Phải thu				
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	6.140.791.710	748.256.004	(6.147.291.550)	741.756.164
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.541.475.630	(4.308.802.183)	232.673.447
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.908.973	-	6.908.973
Thuế khác	5.355.496	-	(2.677.748)	2.677.748
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	6.146.147.206	5.296.640.607	(10.458.771.481)	984.016.332
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	Tại ngày 1.1.2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
b) Phải nộp				
Thuế giá trị tăng	20.206.436.326	163.773.414.836	(174.289.392.847)	9.690.458.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.233.901.707	72.039.104.089	(55.848.532.895)	29.424.472.901
Thuế thu nhập cá nhân	8.973.747.937	16.392.550.331	(20.399.234.303)	4.967.063.965
Thuế nhập khẩu	13.998.252	26.504.902.772	(26.504.902.772)	13.998.252
Thuế khác	-	1.052.841.115	(1.052.841.115)	-
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	42.428.084.222	279.762.813.143	(278.094.903.932)	44.095.993.433
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>

16/ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Số dư phải trả người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 thể hiện các khoản tiền lương tháng 12 và trích trước lương tháng 13 phải trả cho nhân viên.

17/ CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	15.424.930.560	27.068.505.446
Chi phí quảng cáo	48.000.000	432.689.000
Khác	8.783.427.873	5.477.017.868
	24.256.358.433	32.978.212.314

18/ VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Vay ngân hàng (*)	<u>221.431.332.215</u>	<u>1.259.088.063.936</u>	<u>(1.172.129.254.438)</u>	<u>(490.895.642)</u>	<u>307.899.246.071</u>

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Tiền tệ	Tại ngày 31.12.2020 VND	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	VND	47.935.930.467	4	4/5/2021	4,4	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 926/2019/362 ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 8 có giá trị 122 tỷ đồng, HĐ 926/2019/13156 ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 8 có giá trị 40 tỷ đồng.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	76.221.712.207	4	4/5/2021	2,1	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	VND	63.594.059.393	6	9/4/2021	3,99	Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Tập đoàn với giá trị 50 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	USD	23.120.088.608	6	25/8/2021	2,35	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	VND	35.683.782.264	3	16/3/2021	4,4	Máy móc, thiết bị và hàng tồn kho.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	VND	37.217.933.511	3	16/3/2021	4,8	Quyền đòi nợ, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất 441 và 820 tọa lạc tại Tỉnh Bình Dương, máy móc thiết bị.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	USD	13.693.567.961	3	25/3/2021	2,35	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	VND	10.432.171.660	3	22/3/2021	4,4	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 750 tọa lạc tại Tỉnh Bình Dương.
		<u>307.899.246.071</u>				

19/ DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư thể hiện số dự phòng trợ cấp thôi việc được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh 2.17.

20/ THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoán lại và thuế TNDN hoán lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoán lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tài sản thuế TNDN hoán lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoán lại được thu hồi sau 12 tháng	490.071.000	469.388.000
Tài sản thuế TNDN hoán lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	8.472.544.918	6.155.669.467
	<hr/> <hr/> 8.962.615.918	<hr/> <hr/> 6.625.057.467

Biến động gộp của tài sản thuế thu nhập hoán lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	6.625.057.467	290.272.008
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 31)	<hr/> 2.337.558.451	<hr/> 6.334.785.459
Số dư cuối năm	<hr/> <hr/> 8.962.615.918	<hr/> <hr/> 6.625.057.467

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoán lại:

	2020 VND	2019 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<hr/> <hr/> 8.962.615.918	<hr/> <hr/> 6.625.057.467

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoán lại là 20%. Tài sản thuế thu nhập hoán lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến chi phí phải trả và các khoản dự phòng.

Tài sản thuế TNDN hoán lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cấn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

21/ VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2020	2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký	87.656.844	85.938.083
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	87.656.844	85.938.083
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(294.600)	(1.600)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>87.362.244</u>	<u>85.936.483</u>

(b) Chi tiết vốn cổ phần

	2020	%	2019	%
	Cổ phiếu phổ thông		Cổ phiếu phổ thông	
Công ty TNHH Đầu tư NC Việt Nam	43.861.200	50,04	43.861.200	51,04
Whitlam Holding Pte. Ltd.	15.834.000	18,06	15.834.000	18,42
Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd.	17.187.922	19,61	17.187.922	20,00
Khác	10.773.722	12,29	9.054.961	10,54
	<u>87.656.844</u>	<u>100</u>	<u>85.938.083</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	80.316.069	803.160.690.000
Cổ phiếu mới phát hành	5.622.014	56.220.140.000
	<u> </u>	<u> </u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	85.938.083	859.380.830.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 22)	1.718.761	17.187.610.000
	<u> </u>	<u> </u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>87.656.844</u>	<u>876.568.440.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

22/ THUẾ TNDN HOÃN LẠI

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	803.160.690.000	826.008.726.600	(16.000.000)	7.673.760.702	913.071.925.225	2.549.899.102.527
Vốn tăng trong năm	56.220.140.000	582.463.138.456	-	-	-	638.683.278.456
Chi trả cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(274.996.745.600)	(274.996.745.600)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	486.382.202.889	486.382.202.889
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.155.692.083	(15.155.692.083)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(25.259.486.806)	(25.259.486.806)
Khác	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	 859.380.830.000	 1.408.471.865.056	 (16.000.000)	 22.829.452.785	 1.080.042.203.625	 3.370.708.351.466
Vốn tăng trong năm (i)	17.187.610.000	-	-	-	-	17.187.610.000
Chi trả cổ tức (iii) (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(315.002.678.400)	(315.002.678.400)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	491.977.935.402	491.977.935.402
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	14.591.466.086	(14.591.466.086)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(24.319.110.144)	(24.319.110.144)
Cổ phiếu quỹ (iv)	-	-	(20.030.000.000)	-	-	(20.030.000.000)
Khác	-	-	-	(830.600.000)	(3.000.000.000)	(3.830.600.000)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	 876.568.440.000	 1.408.471.865.056	 (20.046.000.000)	 36.590.318.871	 1.215.106.884.397	 3.516.691.508.324

22/ TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

- (i) Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 118/2019/NQ-GAC ngày 10 tháng 5 năm 2019, Công ty đã phát hành thêm 1.718.761 cổ phiếu phổ thông theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (“ESOP”) trong tháng 3 năm 2020, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 876.568.440.000 Đồng. Việc phát hành cổ phiếu phổ thông này đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 1397/UBCK-QLCB ngày 6 tháng 3 năm 2020. Vốn điều lệ mới đã được cập nhật trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp mới nhất ngày 28 tháng 12 năm 2020.
- (ii) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 04/2020/NQ-GAC ngày 3 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc trích lập quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 3% và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04-2020/NQ-GAC ngày 3 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 12-2020/NQ-GAC ngày 12 tháng 11 năm 2020, các Cổ đông đã thông qua quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 và đợt 1 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 18% mệnh giá cổ phần cho mỗi đợt. Thời gian thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông là trong quý 3 và quý 4 năm 2020.
- (iv) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08-2020/NQ-GAC ngày 23 tháng 9 năm 2020, Công ty đã mua lại 285.000 cổ phiếu đã phát hành cho cổ đông trước đó để bình ổn giá cổ phiếu và tối đa hóa lợi ích của các cổ đông và Công ty. Ngoài ra, theo Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ số 02-2020/BC-GAC ngày 19 tháng 8 năm 2020, Công ty cũng đã mua lại 8.000 cổ phiếu từ cán bộ nhân viên đã nghỉ việc. Giá mua bình quân các cổ phiếu nói trên là 68.362 đồng/cổ phiếu.

23/ CỔ TỨC

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm		
Phải trả trong năm (Thuyết minh 22)	315.002.678.400	274.996.745.600
Chi trả bằng tiền (Thuyết minh 22)	(315.002.678.400)	(274.996.745.600)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	315.002.678.400	274.996.745.600
	<hr/>	<hr/>

24/ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2020	31.12.2019
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các Cổ đông (VND)	491.977.935.402	486.382.202.889
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (Thuyết minh 22) (*)	-	-
	<hr/>	<hr/>
491.977.935.402	486.382.202.889	<hr/>
	<hr/>	<hr/>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	87.345.614	85.736.247
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.633	5.673
	<hr/>	<hr/>

(*) Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn chưa có kế hoạch về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 đã được tính lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2014 được ban hành bởi Bộ Tài chính như sau:

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31.12.2019		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	486.382.202.889	(24.319.110.144)	462.063.092.745
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	85.736.247	-	85.736.247
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.673	5.389	<hr/>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

25/ CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục tiền đã bao gồm số ngoại tệ 195.569 Đô la Mỹ và 1.818 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 229.590 Đô la Mỹ và 123.650 Euro).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại (Thuyết minh 34).

26/ DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	3.772.530.601.503	4.464.067.208.690
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.938.362.547	15.815.378.677
	<hr/> 3.781.468.964.050	<hr/> 4.479.882.587.367
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	(24.104.100)	(123.439.500)
Hàng bán bị trả lại	(18.749.169.949)	(14.907.366.389)
Chiết khấu thương mại	(9.090.644.565)	(30.282.029.070)
	<hr/> (27.863.918.614)	<hr/> (45.312.834.959)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và thành phẩm	3.744.666.682.889	4.418.754.373.731
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	8.938.362.547	15.815.378.677
	<hr/> 3.753.605.045.436	<hr/> 4.434.569.752.408

27/ DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	2.724.717.935.440	3.307.233.291.906
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.936.868.744	13.085.708.033
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	4.988.049.453	12.146.646.974
	<hr/> 2.735.642.853.637	<hr/> 3.332.465.646.913
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

28/ DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	97.477.653.481	70.216.013.101
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.213.212.239	8.674.797.847
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	455.784.356
	<hr/> 109.690.865.720	<hr/> 79.346.595.304
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

29/ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	178.443.302.411	194.883.594.864
Chi phí vận chuyển	57.317.286.922	78.420.966.953
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	70.859.611.844	76.681.915.243
Chi phí thuê	29.661.686.635	25.079.957.329
Chi phí khấu hao	15.212.480.356	14.897.289.017
Công cụ và dụng cụ	12.650.173.152	13.356.184.017
Chi phí sửa chữa, bảo trì	19.455.801.780	19.696.523.148
Chi phí khác	59.194.831.201	59.895.985.022
	<hr/> 442.795.174.301	<hr/> 482.912.415.593
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

30/ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	62.513.171.153	67.130.303.146
Công cụ dụng cụ	1.865.337.228	3.730.404.198
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	2.597.415.990	3.291.117.619
Chi phí khấu hao	4.694.199.261	5.639.704.375
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.062.141.370	7.727.349.947
Chi phí khác	33.588.112.924	41.784.807.874
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	107.320.377.926	129.303.687.159
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

31/ THUẾ TNDN

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế		
Thuế tính ở thuế suất 20%	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	10.773.645.136	15.463.186.250
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đã được sử dụng	-	(3.670.441.393)
Dự phòng thiếu của năm trước	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Thuế được miễn	90.957.784	128.391.789
Chi phí thuế TNDN (*)	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	72.039.104.089	74.424.646.643
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 20)	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	(2.337.558.451)	(6.334.785.459)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	69.701.545.638	68.089.861.184
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32/ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	2.432.423.682.361	2.910.151.703.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.932.020.173	316.747.836.432
Công cụ, dụng cụ	87.663.951.214	111.007.413.871
Chi phí vận chuyển	55.352.468.868	78.170.306.668
Chi phí khấu hao	114.379.203.711	108.856.569.672
Chi phí nhân viên	565.605.808.259	690.497.315.809
Chi phí khác	145.915.506.213	191.546.339.399
	<hr/> <hr/> 3.660.272.640.799	<hr/> <hr/> 4.406.977.484.875

33/ THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, Tập đoàn có số dư và/hoặc giao dịch với các bên liên quan sau đây:

Công Ty	Quan Hệ
Công ty TNHH Đầu tư NC Việt Nam	Cổ đông kiểm soát
Whitlam Holding Pte. Ltd.	Cổ đông lớn
Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Ván ép Trung Hiếu	Kiểm soát bởi thành viên gia đình của Chủ tịch HĐQT

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
i) Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH Ván ép Trung Hiếu	61.113.129.812	86.374.445.637
ii) Cổ tức đã chia trong năm		
Công ty TNHH Đầu tư NC Việt Nam	157.900.320.000	140.355.840.000
Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd.	61.876.519.200	55.001.350.400
Whitlam Holding Pte. Ltd.	57.002.400.000	50.668.800.000

33/ THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Các khoản chi cho các nhân sự chủ chốt

	2020 VND	2019 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	24.195.548.846	25.589.147.388

	2020 VND
--	-------------

Thù lao Hội đồng Quản trị

STT	Họ tên	Chức danh	
1.	Ông Lê Đức Nghĩa	Chủ tịch	-
2.	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	-
3.	Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên	-
4.	Ông Jess Rueloekke	Thành viên	-
5.	Bà Trần Thị Mộng Thu	Thành viên	-
6.	Ông Lê Thanh Phong	Thành viên	-
7.	Ông Trần Lương Thanh Tùng	Thành viên	-
8.	Ông Masao Kamibayashiyama	Thành viên	-
9.	Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	-
10.	Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên	-

Thù lao Ban Kiểm Soát

STT	Họ tên	Chức danh	
1.	Bà Trần Thị Ngọc Tuệ	Trưởng ban	-
2.	Bà Trần Thị Kim Anh	Thành viên	-
3.	Bà Mai Thị Phương Thảo	Thành viên	-

Lương và các quyền lợi gộp khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ tên	Chức danh	
1.	Ông Lê Đức Nghĩa	Tổng Giám đốc	2.925.000.000
2.	Ông Lê Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc	2.320.395.000
3.	Bà Võ Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	2.324.600.000
4.	Bà Nguyễn Thị Hảo	Phó Tổng Giám đốc	2.090.400.000
5.	Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Phó Tổng Giám đốc	1.985.400.000
6.	Bà Nguyễn Thị Duyên	Phó Tổng Giám đốc	2.350.400.000
7.	Ông Ngô Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc	2.151.600.000
8.	Bà Thiều Thị Ngọc Diễm	Kế toán trưởng	2.004.000.000
9.	Bà Trần Thị Ngọc Tuệ	Trưởng ban Kiểm soát nội bộ	1.031.553.846
10.	Ông Trần Lương Thanh Tùng	Phụ trách công bố thông tin	1.541.600.000
11.	Ông Masao Kamibayashiyama	Giám đốc Phát Triển Thị Trường	3.470.600.000

24.195.548.846

33/ THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH Ván ép Trung Hiếu	8.096.222.305	7.218.688.642

34/ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê bất động sản hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	40.957.753.038	33.220.460.141
Từ 1 đến 5 năm	74.978.876.918	72.609.968.641
Trên 5 năm	28.824.283.077	30.317.377.874
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>144.760.913.033</u>	<u>136.147.806.656</u>

35/ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh sản xuất và buôn bán hàng gỗ gia dụng, gỗ công nghiệp, ván công nghiệp, hàng trang trí nội thất, thiết bị nhà bếp và các sản phẩm khác từ gỗ là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2021.

Nguyễn Tấn Trọng
Người lập

Thiều Thị Ngọc Diễm
Kế toán trưởng

Trần Lương Thanh Tùng
Thành viên Hội đồng Quản trị



VIETNAM OFFICES

An Cuong Head Office

702/1K Su Van Hanh Street, Ward 12,
District 10, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3862 5726
Fax : (84.28) 3862 5727
Email: infoacc@ancuong.com

HCMC One-stop Shopping Center

279 Nguyen Van Troi Street, Ward 10,
Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3844 1884 - (84.28) 3862 5726
Fax: (84.28) 3997 0135
Email: infoacc@ancuong.com

HCMC One-stop Shopping Center

39 Nguyen Co Thach Street, An Loi Dong Ward,
District 2, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 7302 1168
Fax: (84.28) 3862 5727
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Gallery And Design Center

702/3F Su Van Hanh Street, Ward 12,
District 10, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3862 7414 - (84.28) 3862 5726
Fax : (84.8) 3868 4197
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Gallery And Design Center

Block A - Happy Valley, 816 Nguyen Van Linh Street,
Tan Phong Ward, District 7, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 7300 9822 - (84.28) 3862 5726
Fax : (84.28) 3862 5727
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Gallery And Design Center

12-13 N1 Street, Tan Thuan Manufacturing Area,
Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 7300 9822 - (84.28) 3862 5726
Fax : (84.28) 3862 5727
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Depot 1

162 Tan Hung Street, Tan Quy Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3847 2078 - (84.28) 3862 5726
Fax: (84.28) 3847 2068
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Depot 2

Section No. 2, Lot 5-1, M12 Street,
Extended Tan Binh Industrial zone, Binh Hung Hoa ward,
Binh Tan District, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3620 5633 - (84.28) 3862 5726
Fax: (84.28) 3620 5636
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Factory Outlet

DT 747 B Phuoc Hai Quarter, Thai Hoa Ward,
Tan Uyen Town, Binh Duong
Tel : (84.274) 362 6282 - (84.28) 3862 5726
Fax : (84.274) 362 6284
Email: infoacc@ancuong.com

Ha Noi Show Gallery And Design Center

Villa C4-N08-B, Dich Vong New Urban Area,
Cau Giay District, Ha Noi
Tel: (84.24) 6281 4719
Fax: (84.24) 6281 4729
Email: infoacc@ancuong.com

Ha Noi One-stop Shopping Center

10 Chuong Duong Do Street,
Chuong Duong Ward, Hoan Kiem District, Ha Noi
ĐT: (84.24) 3936 3388
Fax: (84.24) 3823 8929
Email: infoacc@ancuong.com

Da Nang Show Gallery And Design Center

75 Hoang Dieu Street,
Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District, Da Nang
Tel: (84.236) 388 6191
Email: infoacc@ancuong.com

Da Nang One-stop Shopping Center

451 Dien Bien Phu Street,
Hoa Khe Ward, Thanh Khe District, Da Nang
Tel: (84.236) 730 7899
Fax: (84.236) 362 5729
Email: infoacc@ancuong.com

Dat Cuoc Show Gallery And Design Center

Lot A17, KSB Industrial Zone – Zone B,
Dat Cuoc Ward, Bac Tan Uyen District, Binh Duong
Email: infoacc@ancuong.com

INTERNATIONAL OFFICES

Malaysia Office

No.5, Jln SL17/14, Goodview Bdr Sg Long,
43000 Kajang, Selangor
Tel: +60 12 290 6486
Email: infoacc@ancuong.com

Japan Office Via Sumitomo Forestry Group

Timber & Building Materials Division
Business Planning Department, Keidanren Kaikan,
3-2, Otemachi 1-chome, Chiyoda-ku ,
Tokyo 100-8270, Japan
Tel: (+81) 3 3214 3280 - (+84) 902 374 511
Email: kamibayashiyama@ancuong.com

Canada Office Via Zen Living

Bay 1 - 4216 61 Avenue S.E,
Calgary Alberta Canada ,T2C 1Z5
Tel: +1 403 720 928
Email: bao.mai@zen-living.ca

America Office

752 Breen Ct,
Woodland CA 95776, USA
Tel: +1 916 807 0475
Email: infoacc@ancuong.com

Australia Office Via Antry Pty Ltd

45 Welshpool Road, Welshpool Western Australia 6106
Tel: (+61) 8 9472 8131 - (+61) 4 1237 4767
Email: edmund@antry.com.au

Cambodia Office & Showroom

S.I Building, #93, Preah Sihanouk Blvd, Phnom Penh
Tel: +855 97 457 7658
Hotline : +855 712 683683
Email: infoacc@ancuong.com

TẢI APP AC CATALOGUE ĐỂ QUÉT QR CODE TRONG CATALOGUE
INSTALL AC CATALOGUE APP TO SCAN QR CODE IN CATALOGUE



Hotline: 19006944

www.ancuong.com

fb.com/ancuongcompany